

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

- Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài
- Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có).
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: ; Fax:

- Mã số SWIFT:

- Địa chỉ Email:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân, hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

3. Người dự kiến được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Họ và tên:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Quan hệ với tổ chức:

- Số hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

4. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

5. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ bằng chữ in hoa)
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Ngày tháng năm sinh:
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Địa chỉ Email:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:
- Số căn cước/Số định danh cá nhân (hoặc số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu): ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

3. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

5. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt ... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG KÊ KHAI VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước
ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam		Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ sau khi mua cổ phần của tổ chức tín dụng... (%)
			Tên tổ chức tín dụng Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Ví dụ:				

	Ông A (Người khai)				
2.	Ví dụ: Bà B	Vợ			
3.	Ví dụ: Công ty X	Là công ty do ông A là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc ...			
	...				
Tổng cộng	(Không điền thông tin vào đây)				...%

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các tổ chức tín dụng Việt Nam đã tham gia góp vốn, mua cổ phần.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

PHỤ LỤC SỐ 03

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh:

- Họ và tên thường gọi:

- Bí danh:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi sinh:

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):

- Địa chỉ thường trú:

- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp ; Ngày cấp:

Ảnh hộ chiếu
(4x6)
(đóng dấu giáp
lai)

2. Trình độ học vấn:

3. Quá trình công tác:

Nêu rõ nghề nghiệp, đơn vị công tác và chức vụ đảm nhiệm từ năm 18 tuổi đến nay (đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

4. Cam kết trước pháp luật:

Tôi , cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...
**Chữ ký và họ tên đầy đủ của người
khai**

....., ngày ... tháng ... năm ...
**Xác nhận của cơ quan có thẩm
quyền**
*(cơ quan nơi cá nhân đó đang làm
việc; cơ quan quản lý, theo dõi lý
lịch cá nhân...)*

2. Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam; nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của một tổ chức tín dụng Việt Nam (mã TTHC: 1.001256)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng Việt Nam (đối với trường hợp mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) hoặc nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận về việc nhận đủ hồ sơ bổ sung.

+ Bước 3: Trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào các điều kiện quy định tại các Điều 9, 10 của Nghị định số 01/2014/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của tổ chức nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

*** Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam**

a) Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) *Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định*; (ii) *Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài*.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).

+ Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế về kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đối với tổ chức nước ngoài.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ.

b) Đối với tổ chức tín dụng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu:

(i) Thành phần hồ sơ do tổ chức tín dụng Việt Nam lập gồm:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam trước và sau khi chuyển nhượng cổ phần;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ cần phải bổ sung các thành phần hồ sơ quy định tại: (i) *Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định;* (ii) *Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.*

(ii) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư nước ngoài lập gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025;

+) Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài;

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần;

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; Văn bản xác nhận

của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc);

+ Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam;

*** Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam**

a) Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác

nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) *Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định*; (ii) *Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài*.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).

+ Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế về kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đối với tổ chức nước ngoài.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tóm tắt về lịch sử hình thành, phát triển của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tối thiểu các nội dung sau: (i) Cam kết sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam tại thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam mà tổ chức nước ngoài đề nghị mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược; (ii) Cam kết về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam, hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị, điều hành; (iii) Kế hoạch hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị điều hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau: Nội dung chi tiết và lộ trình thực hiện đối với từng biện pháp hỗ trợ cụ thể; Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam.

b) *Đối với tổ chức tín dụng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu:*

(i) Thành phần hồ sơ do tổ chức tín dụng Việt Nam lập gồm:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam trước và sau khi chuyển nhượng cổ phần;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ cần phải bổ sung các thành phần hồ sơ quy định tại: (i) *Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định*; (ii) *Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài*.

(ii) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư nước ngoài lập gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025;

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài;

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần;

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; Điều lệ hoặc văn bản pháp

lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc);

+ Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Báo cáo tóm tắt về lịch sử hình thành, phát triển của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tối thiểu các nội dung sau: (i) Cam kết sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam tại thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam mà tổ chức nước ngoài đề nghị mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược; (ii) Cam kết về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam, hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị, điều hành; (iii) Kế hoạch hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị điều hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau: Nội dung chi tiết và lộ trình thực hiện đối với từng biện pháp hỗ trợ cụ thể; Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời gian giải quyết:** 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

- **Lệ Phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bảng kê khai tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2015.

+ Mẫu sơ yếu lý lịch của cá nhân tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Nghị định số 01/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 69/2025/NĐ-CP;

+ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

+ Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Thông tư số 48/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

- Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài
- Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có).
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: ; Fax:

- Mã số SWIFT:

- Địa chỉ Email:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân, hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

3. Người dự kiến được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Họ và tên:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Quan hệ với tổ chức:

- Số hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

4. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

5. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ bằng chữ in hoa)
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Ngày tháng năm sinh:
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Địa chỉ Email:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân (hoặc số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu): ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

3. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

5. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt ... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG KÊ KHAI VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước
ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam		Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ sau khi mua cổ phần của tổ chức tín dụng... (%)
			Tên tổ chức tín dụng Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Ví dụ: Ông A (Người khai)				

2.	Ví dụ: Bà B	Vợ			
3.	Ví dụ: Công ty X	Là công ty do ông A là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc ...			
...					
Tổng cộng	(Không điền thông tin vào đây)				...%

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các tổ chức tín dụng Việt Nam đã tham gia góp vốn, mua cổ phần.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

PHỤ LỤC SỐ 03

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh:

- Họ và tên thường gọi:

- Bí danh:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi sinh:

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):

- Địa chỉ thường trú:

- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp ; Ngày cấp:

Ảnh hộ chiếu
(4x6)
(đóng dấu giáp
lai)

2. Trình độ học vấn:

3. Quá trình công tác:

Nêu rõ nghề nghiệp, đơn vị công tác và chức vụ đảm nhiệm từ năm 18 tuổi đến nay (đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

4. Cam kết trước pháp luật:

Tôi , cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...
**Chữ ký và họ tên đầy đủ của người
 khai**

....., ngày ... tháng ... năm ...
**Xác nhận của cơ quan có thẩm
 quyền**
*(cơ quan nơi cá nhân đó đang làm
 việc; cơ quan quản lý, theo dõi lý
 lịch cá nhân...)*

3. Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (Mã TTHC: 1.014152)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định sau: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

b) *Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;*

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép không quá 06 tháng;

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng thương mại và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần đối với cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do cổ đông sáng lập quản lý hoặc Bản sao có chứng thực văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán;

- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

b) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(iii) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương;

(iv) Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

(v) Điều lệ của tổ chức;

(vi) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(vii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN; *Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện vốn góp không có quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;*

- Báo cáo tài chính 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;

(viii) Bản gốc Bảng xác định khả năng về tài chính đề góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

(ix) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN; Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác.

- **Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục số 04)

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

+ Danh sách các cổ đông góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 08).

+ Đơn mua cổ phần đối với cá nhân (Phụ lục số 09).

+ Đơn mua cổ phần đối với tổ chức (Phụ lục số 10).

+ Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 11).

+ Bàn kê khai tài sản, thu nhập của cổ đông sáng lập là cá nhân của ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 12).

+ Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng (Phụ lục số 13).

+ Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức (Phụ lục số 14)

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

+ Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn;

+ Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Có điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

+ Điều kiện đối với cổ đông sáng lập:

a) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;

b) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập nhưng không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

(iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

(iv) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

(v) Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

d) Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

(ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

(vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Trường hợp là doanh nghiệp nhà nước, phải được phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật;

(viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

(ix) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

(x) Trường hợp là ngân hàng thương mại:

+ Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

+ Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

+ Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

+ Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần;

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Nghị định số 162/NĐ-CP của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục

cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục số 04**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng ... (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập Ngân hàng...;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng ... thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- 2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
- 3. Nội dung hoạt động:
- 4. Thời gian hoạt động:
- 5. Vốn điều lệ: ...đồng (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Thực hiện đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược

không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của ngân hàng.

- Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.

..., ngày... tháng... năm ...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng...

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên; Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 07**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SƠ YẾU LÝ LỊCH**1. Thông tin cá nhân**

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời

Ảnh hộ
chiếu

(4x6)

gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Môi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 08

MẪU DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG...

STT	Thông tin về tổ chức, cá nhân	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Số cổ phần	Loại cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
I. Cổ đông sáng lập:						
Tổ chức						
1	Công ty A					
2						
Cá nhân						
3	Nguyễn Văn A					
4						
II. Cổ đông góp vốn khác						
Tổ chức						
5	Công ty B					
6						

Cá nhân						
7	Nguyễn Văn B					
8						

Trưởng Ban trừ bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Thông tin về tổ chức bao gồm:

a) Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức:

- Địa điểm đặt trụ sở chính:

- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:

b) Thông tin về người đại diện vốn góp:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Thông tin về cá nhân bao gồm:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

Phụ lục số 09

MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng...

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp:
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;
- c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 10**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng...

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp, ngày cấp:

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại:

- Số Fax (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp:
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;
- c) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm nộp đơn.
- d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 11

**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
VÀ TÌNH HÌNH THAM GIA GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “ <i>người có liên quan</i> ”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc...			
...					

Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%
-----------	--	--	--	-----------------------------	---

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan” theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân và đóng dấu; Nếu là cá nhân, chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.
5. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

Phụ lục số 12

MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
LÀ CÁ NHÂN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI TÀI SẢN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Họ và tên Người kê khai tài sản:
- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:

T	Loại tài sản	Thông tin mô tả về tài sản
1	Nhà, công trình xây dựng	- Số lượng: cái 1.1. Nhà thứ nhất: + Loại nhà:..... + Diện tích đất:.....m2 + Diện tích đất xây dựng: m2 + Diện tích sử dụng: m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật) + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:..... 1.2. Nhà thứ hai: + Loại nhà:.....

		+ Diện tích đất: m2 + Diện tích đất xây dựng: m2 + Diện tích sử dụng: m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật) + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:..... 1.3. Nhà thứ ...:
2	Quyền sử dụng đất	- Số lượng: thửa 2.1. Thửa thứ nhất: + Loại đất:..... + Diện tích:.....m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật) + Trị giá thửa đất theo giá thị trường: 2.2. Thửa thứ hai: + Loại đất:..... + Diện tích:.....m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật) + Trị giá thửa đất theo giá thị trường: 2.3. Thửa thứ:;
3	Tài sản ở nước ngoài	- Động sản: (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) + Tên: + Số lượng: + Trị giá theo giá thị trường: - Bất động sản: (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) + Tên:

		+ Địa chỉ: + Trị giá theo giá thị trường:
4	Tài khoản ở nước ngoài	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Ngân hàng mở tài khoản:..... - Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:.....
5	Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng) - Chung loại, nhãn hiệu: - Số lượng: - Tổng giá trị theo giá thị trường:
6	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có) - Tổng giá trị ước tính:
7	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	Tiền mặt: Tổng giá trị:..... Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng...): (Đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng) Tổng giá trị:..... Cổ phiếu: (Đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá..... Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):

		Trái phiếu: (Đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá..... Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):.....
		Các công cụ chuyển nhượng khác: Tổng giá trị theo mệnh giá..... Tổng giá trị theo giá thị trường:.....
8	Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Tên:... - Số lượng: ... - Tổng giá trị ước tính:
9	Vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng số tại Ngân hàng TMCP A; Giá trị khoản vay:.....; Tài sản đảm bảo:; Dư nợ đến thời điểm hiện tại:..... (bằng chữ.....). - Khoản vay thứ hai: Hợp đồng số tại Ngân hàng TMCP A; Giá trị khoản vay:.....; Tài sản đảm bảo:; Dư nợ đến thời điểm hiện tại:..... (bằng chữ.....). - Khoản vay thứ n:

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai man, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người kê khai tài sản, thu nhập

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ
- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác....
- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai 5, 6, 7, 8:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên. Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

3. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ được phân thuộc sở hữu của người kê khai, giá trị ước tính của phần tài sản đó.

Phụ lục số 13

BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG VỀ TÀI CHÍNH ĐỂ GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cách xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

A- Công thức tính khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:

1.1. Công thức tổng quát:

<i>Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại</i>	=	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	-	<i>Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu</i>
--	---	-----------------------	---	---

1.2. Công thức cụ thể:

$A = E - LI$ (1) và

$LI = LA - LD$ (2)

Trong đó:

+ A: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại của tổ chức

+ E: Vốn chủ sở hữu

+ LI: Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu

+ LD: Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn

+ LA: Tài sản dài hạn

* Nếu $A \geq$ Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

* Nếu $A <$ Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức không có đủ khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

B- Ví dụ minh họa:

Theo Đề án, Công ty X sẽ góp 100 tỷ VND để thành lập ngân hàng thương mại Y. Phân tích nguồn vốn để Công ty X góp thành lập ngân hàng thương mại Y dựa trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31/7/2007 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

TT	Tài sản		TT	Nguồn vốn	
I.	Tài sản ngắn hạn	1.092,42	I.	Nợ phải trả	664,88
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	771,90	1.	Nợ ngắn hạn	517,18
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.	Nợ dài hạn	147,70
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	377,87			
4.	Hàng tồn kho	0,08			
5.	Tài sản ngắn hạn khác	2,57			
II.	Tài sản dài hạn	1.530,90	II.	Vốn chủ sở hữu	1.958,44
1.	Các khoản phải thu dài hạn	0	1.	Vốn chủ sở hữu	1.900
2.	Tài sản cố định	26,02	2.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	58,44
3.	Bất động sản đầu tư	0			
4.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.504,78			

5.	Tài sản dài hạn khác	0,10			
	Cộng	2.623,32		Cộng	2.623,32

Vận dụng công thức (1) và (2) để xác định khả năng về tài chính của Công ty X để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y, ta có:

Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi Vốn chủ sở hữu (LI)		Vốn chủ sở hữu (E)	
Tài sản dài hạn (LA)	1.530,90 tỷ VND	Vốn chủ sở hữu	1.900 tỷ VND
Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (LD)*	147,70 tỷ VND		
$LI = LA - LD$	1.383,2 tỷ VND	E	1.900 tỷ VND
$A = E - LI$			516,8 tỷ VND

So sánh A (516,8 tỷ VND) với Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại Y theo cam kết của Công ty X (100 tỷ VND) có thể thấy Công ty X có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y (516,8 tỷ VND > 100 tỷ VND).

Chú ý:

* Nếu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức chưa thuyết minh rõ về khoản mục Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn,...) thì cần yêu cầu tổ chức có văn bản thuyết minh rõ về khoản mục này.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 14

VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

TÊN TỔ CHỨC Số:/..... V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ..., ngày ... tháng ... năm ...
--	---

VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

4. Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (Mã TTHC: 1.014153)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định sau: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép không quá 06 tháng;

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng thương mại và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Điều lệ của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp tại ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật kèm theo bản sao hộ chiếu của người đại diện vốn góp.

7. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp không phải là ngân hàng gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN, trừ đơn mua cổ phần; Điều lệ của tổ chức là ngân hàng thương mại; Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.

a) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

b) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương;

c) Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

d) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

(i) Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN; *Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện vốn góp không có quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;*

(ii) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;

đ) Bản gốc Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN;

e) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN, Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với

ngân sách nhà nước, Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

8. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật; hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

9. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

10. Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

a) Hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

b) Đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của ngân hàng Nhà nước.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

- **Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục số 04).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

+ Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần (Phụ lục số 11).

+ Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức (Phụ lục số 14).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

+ Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn.

+ Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng.

+ Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

+ Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm tổ chức tín dụng này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

+ Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt

động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

* Điều kiện đối với chủ sở hữu:

a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

+ Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

+ Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

c) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

d) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

e) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

g) Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

h) Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 4 Nghị định của Chính phủ về điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

i) Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

* Điều kiện đối với thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh:

a) Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là tổ chức tín dụng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 5 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 như sau:

+ Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

(i) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

(ii) Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

+ Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

+ Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

b) Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện đối với ngân hàng thương mại quy định tại khoản 1, 4 Điều 4 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 như sau:

+ Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác.

+ Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

(ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Trường hợp là doanh nghiệp nhà nước, phải được phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật;

(viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

(ix) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(x) Trường hợp là ngân hàng thương mại:

Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần;

Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

c) Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;

(ii) Phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn vào ngân hàng liên doanh đối với trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước;

(iii) Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh;

(v) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vi) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(vii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

(viii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ix) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

(x) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

d) Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh.

* Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh, chủ sở hữu của ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

a) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

b) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vì mô và điều kiện đối với

chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục số 04**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng ... (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập Ngân hàng...;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng ... thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- 2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
- 3. Nội dung hoạt động:
- 4. Thời gian hoạt động:
- 5. Vốn điều lệ: ...đồng (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Thực hiện đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược

không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của ngân hàng.

- Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.

..., ngày... tháng... năm ...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng...

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên; Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 07**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ chiếu

(4x6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời

gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 11

**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
VÀ TÌNH HÌNH THAM GIA GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “ <i>người có liên quan</i> ”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc...			
...					

Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%
-----------	--	--	--	-----------------------------	---

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan” theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.

3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.

4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân và đóng dấu; Nếu là cá nhân, chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

5. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

Phụ lục số 14**VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

TÊN TỔ CHỨC Số:/..... <i>V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm</i>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc, ngày ... tháng ... năm ...
---	---

**VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

5. Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Mã TTHC: 1.014154)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Đề án thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Sự cần thiết thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- b) Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, nội dung hoạt động, thời gian hoạt động, vẫn được cấp khi thành lập;
- c) Sơ đồ tổ chức, danh sách nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với các quy định tại Điều 97, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; danh sách nhân sự dự kiến phải mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, năng lực quản lý rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí;
- d) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ

ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

đ) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

e) Khả năng đứng vững và phát triển của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó chứng minh được lợi thế của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích rõ việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

g) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đó, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

3. Điều lệ của ngân hàng mẹ.

4. Tài liệu chứng minh năng lực của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có xác nhận của ngân hàng mẹ;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép không quá 06 tháng;

c) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến.

5. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc các văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cấp cho ngân hàng mẹ.

6. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về ngân hàng mẹ như sau:

a) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

7. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng mẹ (bao gồm cả hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

8. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của ngân hàng mẹ.

9. Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với ngân hàng mẹ trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ.

10. Văn bản của ngân hàng mẹ bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam; đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn được cấp của chi nhánh không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

11. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển đối với ngân hàng mẹ cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

12. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký về việc cử Ban trụ bị và ủy quyền cho Trưởng Ban trụ bị.

13. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký kèm tài liệu chứng minh chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng trong trường hợp ngân hàng mẹ đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

- **Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục số 05).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

- **Yêu cầu, điều kiện:**

a) Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

b) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;

c) Chủ sở hữu là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính.

d) Có đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

e) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

g) Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

h) Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

i) Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

k) Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật này;

l) Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong 03 năm liền kề trước năm đề nghị thành lập chi nhánh mới không vi phạm quy định của pháp luật, các tỷ lệ bảo đảm an toàn và có kết quả kinh doanh có lãi.

* Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

+ Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

* Điều kiện đối với ngân hàng mẹ:

+ Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

+ Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.

+ Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP của Chính phủ về điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục

cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục số 05**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, Ngân hàng... đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài với các nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn được cấp:

6. Danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

7. Cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngân hàng... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng ... năm ...

**Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài
ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên**

Phụ lục số 07

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp

Ảnh hộ
chiếu

(4x6)

nhân).

5. Mọi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại):
Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

6. Thủ tục chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Mã TTHC: 1.014151)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN), bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập theo quy định của pháp luật;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được chủ sở hữu phê duyệt bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN (trừ điểm a, điểm c) đối với trường hợp chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trường Ban trừ bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép không quá 06 tháng;

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt

Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

6. Biên bản cuộc họp hội nghị thành lập của cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng và phê duyệt danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

7. Danh sách các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

8. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp mà cổ đông sáng lập là người quản lý trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc bản sao bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

b) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(iii) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(iv) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(v) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm

toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(vi) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- *Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;*

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN; Văn bản Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

Hồ sơ cấp Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN), bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập theo quy định của pháp luật;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được chủ sở hữu phê duyệt bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN (trừ điểm a, điểm c) đối với trường hợp chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền

của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

6. Biên bản cuộc họp hội nghị thành lập của cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng và phê duyệt danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

7. Danh sách các thành viên sáng lập, thành viên góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

8. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật và phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

b) Tên, địa chỉ của các bên tham gia liên doanh và người đại diện theo pháp luật của các bên liên doanh;

c) Thời hạn hoạt động của liên doanh;

d) Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên, phương thức góp vốn, tiến độ góp vốn điều lệ;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên liên doanh;

e) Số lượng và tỷ lệ thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của các bên trong liên doanh;

g) Dự kiến số phòng ban và số lượng cán bộ, nhân viên thời gian đầu của mỗi bên (số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài);

h) Các nguyên tắc về hạch toán, kế toán, báo cáo, lập và sử dụng các quỹ; việc phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý, giải thể, sáp nhập và hợp nhất của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

k) Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh;

Hợp đồng liên doanh phải do đại diện hợp pháp của các bên liên doanh ký tất vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối hợp đồng.

9. Hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

10. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN):

a) Hồ sơ quy định tại điểm b(vi) khoản 3 Điều 12 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN, trừ Đơn mua cổ phần;

b) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

11. Hồ sơ đối với chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

a) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

b) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN; Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;

c) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN, *Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp; Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp không có thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại Việt Nam phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan nước ngoài cấp không có thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng không thuộc trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.*

12. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Hồ sơ quy định tại điểm b(iii), b(iv), b(v) khoản 3 Điều 12 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN và các hồ sơ sau:

(i) Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(ii) *Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp thì Trưởng Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;*

(iii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN;

(iv) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng nước ngoài là Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(v) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh và tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp pháp luật nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính quy định cơ quan có thẩm quyền không có chức năng cấp văn bản này thì phải có bằng chứng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính hoặc văn bản pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính quy định về vấn đề này, được hợp pháp hoá lãnh sự, dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động đã được cấp phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm (bao gồm thứ hạng tín nhiệm và triển vọng của thứ hạng tín nhiệm) đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

(i) Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

(ii) Bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư số 57/2024/TT-NHNN có quy định khác.

- **Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận/ không chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 05).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục 06).

+ Danh sách các cổ đông (thành viên) sáng lập, góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 07).

+ Đơn mua cổ phần đối với cá nhân (Phụ lục 08).

+ Đơn mua cổ phần đối với tổ chức (Phụ lục 09).

+ Bảng kê khai người có liên quan (Phụ lục 10).

+ Bản kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 11).

+ Bản kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Phụ lục 12).

+ Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại (Phụ lục 13).

+ Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội (Phụ lục 14).

- Yêu cầu, điều kiện:

*** Điều kiện cấp Giấy phép**

a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn;

c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

d) Điều lệ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

*** Điều kiện đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng**

1. Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

2. Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn.

3. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là cá nhân phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

d) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

đ) Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

4. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là tổ chức phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

c) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):

Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liên tiếp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm;

g) Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam:

Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

*** Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng**

1. Thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam) phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024;

b) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

c) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm;

d) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

2. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024) phải tuân thủ các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm c, d, đ, g khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024.

3. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

c) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp sử dụng xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế khác, tổ chức đó phải được Cơ quan Giám sát Thị trường và Chứng khoán Châu Âu (The European Securities and Markets Authority - ESMA) đăng ký hoặc xác nhận, hoặc tổ chức đó phải được quốc gia thuộc Nhóm các nước G7 cho phép xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam, thứ hạng tín nhiệm phải từ mức A trở lên;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên.

d) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

đ) Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

4. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, chủ sở hữu, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024.

5. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và điểm d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024;

b) Có mức vốn điều lệ tối thiểu bằng tổng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Thời hạn sở hữu quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

*** Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép**

Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

1. Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

2. Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

+ Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục số 05

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín
dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY...
(*)

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập ngày ... tháng ... năm;

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Công ty ...(*) thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu Công ty...(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng với các nội dung sau đây:

1. Hình thức pháp lý:
2. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)

- Tên giao dịch (nếu có)

3. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:

4. Nội dung hoạt động:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ: ... đồng Việt Nam (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số hộ chiếu, số định danh cá nhân	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
	Công ty A				
	Nguyễn Văn B				

7. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Công ty...^(*)

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

^(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 06
MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:

Ảnh hộ chiếu

(4 x 6)

- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng thương mại và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mọi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng phi ngân hàng):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng...

năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)*

* Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 07

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) SÁNG LẬP, GÓP VỐN
THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín
dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

STT (1)	Tên cổ đông, thành viên góp vốn (2)	Địa chỉ (3)	Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số định danh cá nhân, số hộ chiếu (4)	Giá trị vốn góp (5)	Số cổ phần (6)	Loại cổ phần (7)	Tỷ lệ vốn góp (8)
I. Cổ đông (thành viên) sáng lập:							
Tổ chức							
1	Công ty A						
2							
Cá nhân							
3	Nguyễn Văn A						

4							
II. Cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập:							
Tổ chức							
5	Công ty B						
6							
Cá nhân							
7	Nguyễn Văn B						
8							

Trưởng Ban trù bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 08

MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty ...(*)

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp; quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Số điện thoại:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty...^(*), các quy định nội bộ của Công ty...^(*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người mua cổ phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 09

MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty...(*)

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...:

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: Số Fax: ...

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:

- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp, quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

3. Người được cử làm đại diện phần vốn góp của tổ chức tại Công ty...(*):

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Quan hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):

- Số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp, quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Loại cổ phần:

- Giá trị:

- Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp, mua cổ phần và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...^(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên tổ chức đề nghị mua cổ phần) cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm nộp đơn.

d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty...^(*), các quy định nội bộ của Công ty...^(*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 10

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập Công ty...(*)
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))***HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU**

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam);
- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập Công ty ... (*)

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập Công ty ...
(*) căn cứ theo Phụ lục số 08, Phụ lục số 09 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

Phụ lục số 11

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu:
4. Số tài khoản tại ngân hàng:
5. Nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh:
6. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
- + Thời điểm: Tháng/năm
- + Thực trạng xử lý nợ xấu (*Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào*):

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 12**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC

1. Tên tổ chức:

2. Mã số thuế:

3. Lĩnh vực kinh doanh:

4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng

- Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Địa chỉ:

- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:

- Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Thời điểm: Tháng/ năm

+ Thực trạng xử lý nợ xấu (*Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào*):

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 13

BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỦA TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số điện thoại: Số Fax: ...
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)

- A: Vốn chủ sở hữu (2).
- B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (4).
- C: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)

$$(C = A - B)$$

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn thành lập Công ty ... (*) (chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của tổ chức)

Ghi chú:

- (1): Gửi Ban trừ bị.
- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tổ chức góp vốn thành lập là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, tổ chức góp vốn thành lập phải nộp báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 14
VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ, BẢO
HIỂM XÃ HỘI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng
phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung))*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

*V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ
nghĩa vụ thuế, bảo hiểm*

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ,
BẢO HIỂM XÃ HỘI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

7. Thủ tục chấp thuận sáp nhập tổ chức tín dụng (mã TTHC: 1.001262)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập theo quy định. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc sáp nhập tổ chức tín dụng hết hiệu lực.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc sáp nhập tổ chức tín dụng hết hiệu lực.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sáp nhập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung); sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ

a) *Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:*

- (i) *Đề nghị chấp thuận sáp nhập, thay đổi về vốn điều lệ;*
- (ii) *Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);*
- (iii) *Nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có);*
- (iv) *Cam kết của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập về việc tổ chức tín dụng sau sáp nhập đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).*

b) *Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;*

c) *Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề khác có liên quan đến việc sáp nhập (nếu có).*

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận sáp nhập tổ chức tín dụng; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện:**

a) Tổ chức tín dụng sau sáp nhập phải có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định của loại hình tổ chức tín dụng sau sáp nhập theo quy định của pháp luật.

b) Sau khi sáp nhập, tổ chức tín dụng sau sáp nhập phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 26/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2024/TT-NHNN quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 69/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC 04**MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN SÁP NHẬP**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sáp nhập(*)
vào.....(**)**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đề nghị chấp thuận sáp nhập.....() vào.....(**) của người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập tại Đơn đề nghị chấp thuận sáp nhập ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;*

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc sáp nhập.....(*) vào().**

(*) Tên tổ chức tín dụng bị sáp nhập

(**) Tên tổ chức tín dụng nhận sáp nhập

Điều 2. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*).

Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*) hết hiệu lực thi hành khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của(**).

Điều 3.(**) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của(*).
2. Công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.
3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4.(*) có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho(**).
2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*) theo quy định của pháp luật.
3. Công bố thông tin chấm dứt hoạt động và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 6. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng bị sáp nhập, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh/TP nơi... (*) đặt trụ sở chính;
- UBND tỉnh/TP nơi... (**) đặt trụ sở chính;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

THỐNG ĐỐC

(*) Tên tổ chức tín dụng bị sáp nhập

(**) Tên tổ chức tín dụng nhận sáp nhập

8. Thủ tục chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.013336)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

+ **Bước 3:** Trong *thời hạn 21 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung); sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) đề nghị:

- i) Chấp thuận chuyển đổi loại hình;
- ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các nội dung quy định tại điểm a (ii) nêu trên thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua Phương án chuyển đổi loại hình; Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình và các vấn đề khác liên quan đến chuyển đổi loại hình.

d) Phương án chuyển đổi loại hình theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).

đ) Điều lệ tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua.

e) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây (nếu có): (i) Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, người điều hành; (ii) Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác.

g) Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về chuyển đổi loại hình theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung)

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

- **Thời hạn giải quyết:** 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc.

b) Trường hợp công ty tài chính chuyên ngành chuyển đổi loại hình thành công ty

tài chính tổng hợp, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a nêu trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

(ii) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

(iii) Tuân thủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật liên tục trong các quý của năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và các quý đến thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

(iv) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

(v) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng phạm vi hoạt động.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 26/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2024/TT-NHNN quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ Thông tư số 69/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC 03**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

**TÊN TCTD
PHI NGÂN HÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày..... tháng..... năm.....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

..... () đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận các nội dung sau đây:*

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Nội dung chuyển đổi loại hình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các nội dung khác đề nghị NHNN chấp thuận (nếu có)

B. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình

1. Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình)

4. Năm thành lập

5. Thời hạn hoạt động

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình

6. Nội dung hoạt động

7. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần đang niêm yết)

C. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình

1. Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Thời hạn hoạt động

5. Nội dung hoạt động

D. Hồ sơ kèm theo

1.

2.

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong văn bản, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.

....., ngày..... tháng..... năm....

(*)

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình

PHỤ LỤC 07**MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi loại hình của(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc chuyển đổi loại hình của(*)

Điều 2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình có trách nhiệm:

1. Công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh/TP nơi TCTD phi ngân hàng đặt trụ sở chính;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

THÔNG ĐỐC

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình

9. Thủ tục chấp thuận hợp nhất tổ chức tín dụng (mã TTHC: 2.000597)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất, tổ chức tín dụng đại diện gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất theo quy định. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc hợp nhất tổ chức tín dụng hết hiệu lực.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc hợp nhất tổ chức tín dụng hết hiệu lực.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hợp nhất theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung); cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ

a) *Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:*

(i) *Đề nghị chấp thuận hợp nhất;*

(ii) *Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);*

(iii) *Các nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có);*

(iv) *Cam kết của tổ chức tín dụng đại diện về việc tổ chức tín dụng hợp nhất đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này;*

b) *Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;*

c) *Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;*

d) *Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án hợp nhất và các vấn đề khác có liên quan đến việc hợp nhất (nếu có);*

đ) *Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất về:*

(i) Thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hợp nhất và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng hợp nhất;

(ii) Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

(iii) Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

e) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất quy định tại điểm i khoản 1 Điều 11 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận hợp nhất; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện:**

a) Tổ chức tín dụng hợp nhất phải có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định của loại hình tổ chức tín dụng hợp nhất theo quy định của pháp luật.

b) Sau khi hợp nhất, tổ chức tín dụng hợp nhất phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phân vốn góp, sở hữu cổ phần.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 26/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2024/TT-NHNN quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 69/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong lĩnh

vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC 05

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN HỢP NHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hợp nhất(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đề nghị chấp thuận hợp nhất.....() của người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất tại Đơn đề nghị chấp thuận hợp nhất ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;*

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc hợp nhất.....(*)

Điều 2. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho.....(*)

Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*) hết hiệu lực thi hành khi tổ chức tín dụng hợp nhất khai trương hoạt động.

Điều 3.(**) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của(*).
2. Công bố thông tin và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.
3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. (*) có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho (**).
2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho (*) theo quy định của pháp luật.
3. Công bố thông tin chấm dứt hoạt động và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 6. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng bị hợp nhất, tổ chức tín dụng hợp nhất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THÔNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh/TP nơi... (*) đặt trụ sở chính;
- UBND tỉnh/TP nơi... (**) đặt trụ sở chính;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

(*) Tên các tổ chức tín dụng bị hợp nhất

(**) Tên tổ chức tín dụng hợp nhất

10. Thủ tục chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng (mã TTHC: 2.000570)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý hết hiệu lực.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý hết hiệu lực.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung), cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ

a) Văn bản của tổ chức tín dụng, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý;

(ii) Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

(iii) Danh sách, mức và tỷ lệ góp vốn của các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Điều lệ của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác có liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

đ) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về:

(i) Thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

(ii) Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát; bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

g) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại điểm e khoản 1 Điều 17 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

h) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán, văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần hoặc Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Giấy tờ chứng minh việc góp vốn của cổ đông mới trong trường hợp tiếp nhận cổ đông mới;

(ii) Hồ sơ của cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với cổ đông sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.

(iii) Hồ sơ của cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

i) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư hoặc giấy tờ xác nhận hoàn tất chuyển nhượng vốn;

(ii) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý xác nhận tư cách thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

(iii) Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện:**

a) Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện thực hiện chào bán cổ phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần;

(ii) Cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới, trừ trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược là ngân hàng thương mại nhận chuyển giao bắt buộc đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

(iii) Cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

(iv) Tổ chức, cá nhân mua cổ phần phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần và quy định về mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác (đối với trường hợp tổ chức mua cổ phần là ngân hàng thương mại).

b) Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới;

(ii) Thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ phần vốn góp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 26/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 69/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC 06

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi hình thức pháp lý của(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Đơn đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc chuyển đổi hình thức pháp lý của.....(*).

Điều 2. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*).

Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*) hết hiệu lực thi hành khi tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý khai trương hoạt động.

Điều 3. Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý.
2. Công bố thông tin và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.
3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý.
2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho (*) theo quy định của pháp luật.
3. Công bố thông tin chấm dứt hoạt động và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 6. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý và tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh/TP nơi TCTD đặt trụ sở chính;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng.

(*) Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

11. Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 2.001316)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nêu rõ lý do).

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ

1. Văn bản của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự do người đại diện theo pháp luật ký.

Trường hợp ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng khuyết người đại diện theo pháp luật, văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là văn bản của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ký.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký hoặc trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác, thành viên Hội đồng thành viên khác ký hoặc trường hợp người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu ủy quyền cho người khác ký thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật và hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khuyết người đại diện theo pháp luật, không có Chủ tịch Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không đủ số lượng thành viên tối thiểu hoặc còn 01 thành viên, văn bản đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải do người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu ký.

Văn bản đề nghị tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;

b) Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh, đơn vị công tác hiện tại; chức danh dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tên cá nhân, tổ chức đề cử; tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp mà nhân sự dự kiến làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đề cử (nếu có);

c) Cơ cấu, danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trường hợp dự kiến nhân sự bầu, bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát), trong đó:

(i) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên độc lập, thành viên không phải là người điều hành, số lượng thành viên là người có liên quan với nhau, số lượng thành viên Ban kiểm soát;

(ii) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát;

d) Đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện;

đ) Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

a) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần: Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của Chủ sở hữu hoặc của người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu;

c) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

(i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của các thành viên góp vốn;

(ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

4. *Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;*

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

5. Bản kê khai người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự là người quản lý, người điều hành) của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng”:

(i) Nội dung Điều lệ của doanh nghiệp quy định về người quản lý hoặc quy định nội bộ của doanh nghiệp trường hợp nội dung Điều lệ không quy định về người quản lý;

(ii) Đối với trường hợp là doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng: Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang là người quản lý. Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự dự kiến là người quản lý) và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của nhân sự dự kiến.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại các bộ phận này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại bộ phận này.

d) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại bộ phận nghiệp vụ này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại bộ phận này.

8. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm người điều hành tổ chức tín dụng”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”:

(i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc). Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện “có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán” đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

10. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp ngoại lệ quy định tại điểm c khoản 1, điểm đ, e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng; cử, chỉ định, bổ nhiệm nhân sự dự kiến tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.

11. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp”:

a) Nội dung đánh giá và cam kết của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm về việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp” quy định tại Điều 6 theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025;

b) Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025, ngoại trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã giải thể, phá sản, hợp nhất, bị sáp nhập.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tuân thủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Có trình độ từ đại học trở lên;

d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng đó, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng đó, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó;

đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng đó;

đ) Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

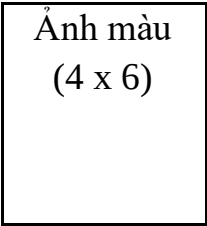
+ Thông tư số 48/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH⁽¹⁾

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số căn cước hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam hoặc số định danh cá nhân đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân hoặc là người được cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng).

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay ⁽²⁾.

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽³⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ ⁽⁴⁾	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú ⁽⁵⁾
-----	---	-----------------	------------------------	---	------------------------

	...				
--	-----	--	--	--	--

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁶⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁷⁾

5. Thông tin về đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

6. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) và tuân thủ các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của tổ chức tín dụng nước ngoài (nếu có) nơi tôi từng công tác.

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Thông báo cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁸⁾

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.
2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.
3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.
4. Nêu rõ nếu nhân sự dự kiến là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, đồng thời ghi rõ mã số thuế/mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến là người quản lý.
5. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:
 - a) Công ty con của tổ chức tín dụng;
 - b) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;
 - c) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d) Đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng (Ghi cụ thể tên đơn vị và thời điểm bị tuyên bố phá sản, chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến);
6. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d, g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.
7. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.
8. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Mối quan hệ với người khai⁽¹⁾	Số căn cước/số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam) hoặc số định danh cá nhân (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước) hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận tương đương (đối với trường hợp người có liên quan là tổ chức ghi thông tin mã số doanh nghiệp).	Chức vụ tại tổ chức tín dụng đề nghị	Chức vụ tại Công ty con của tổ chức tín dụng đề nghị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện tại tổ chức tín dụng đề nghị (%)	...
--	--	---	--	---	---	--	------------

1	Nguyễn Văn A	Người khai				
2	Nguyễn Thị B	Vợ				
	...					

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽²⁾

Ghi chú:

1. Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan tại cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng để điền vào cột này. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

2. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC TÍN
DỤNG, CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NƯỚC**

NGOÀI

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC NGHỀ
NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC QUẢN LÝ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Căn cứ Thông tư số..... ngày..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ...

(Tên Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) cung cấp thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ông/Bà như sau:

I. Thông tin về nhân sự

1. Họ và tên nhân sự.

Ngày, tháng, năm sinh.

2. Thời gian công tác: từ tháng/năm đến tháng/năm.

3. Vị trí công tác, nhiệm vụ được giao: thời gian từ tháng/năm đến tháng/năm (Nêu rõ nếu là người quản lý, người điều hành)

...

II. Thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

1. Thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ

sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Nhân sự đáp ứng/không đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Trường hợp không đáp ứng, nêu rõ hành vi, thời gian và biện pháp xử lý.

III. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Văn bản này được sử dụng lại khi làm hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

12. Thủ tục chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của tổ chức tín dụng cổ phần (Mã TTHC: 1.000188)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1.** Tổ chức tín dụng cổ phần lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Một cửa). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng cổ phần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ **Bước 2.** Trong thời hạn *14 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tín dụng cổ phần đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-NHNN).

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** *14 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại cổ phần, tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-NHNN) hoặc Văn bản không chấp thuận việc tổ chức tín dụng cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài.

- **Lệ phí:** Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị chấp thuận việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-NHNN.

+ Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo Mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-NHNN.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 47/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của tổ chức tín dụng cổ phần.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-NHNN của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**TÊN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG CỐ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Qua Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

Căn cứ Nghị quyết số... ngày... tháng... năm.... của Đại hội đồng cổ đông về việc(1)...., ...(2).... (số định danh của tổ chức:(3)....) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của....(4).... như sau:

I. Thời gian, số lượng và địa điểm niêm yết:

1. Thời gian dự kiến niêm yết:.....
2. Số lượng cổ phiếu dự kiến niêm yết: cổ phiếu;
Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: tỷ đồng;
Vốn điều lệ thời điểm đề nghị: ...tỷ đồng;
Tỷ lệ vốn điều lệ dự kiến tăng thêm so với vốn điều lệ:%
3. Tên Sở giao dịch dự kiến niêm yết:.....
4. Số, ngày cấp Văn bản chấp thuận đề nghị việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra nước ngoài của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

II. Một số nội dung cụ thể về việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài

1. Lý do niêm yết cổ phiếu:
2. Những thuận lợi và khó khăn khi cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài:
3. Các giải pháp dự kiến nhằm khắc phục những khó khăn trên:
4. Dự kiến số lượng, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sau khi niêm yết:
.....

5. Biện pháp quản lý tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật:

6. Các nội dung khác (nếu có)

III. Tình hình tài chính, hoạt động của tổ chức tín dụng cổ phần

1. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm đề nghị:

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong thời gian 12 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Có ☐

b. Không ☐

- Hành vi, số tiền bị xử phạt (nếu có):

- Số, ngày và số tiền của các Quyết định xử phạt (nếu có):

3. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng cổ phần có số lượng và cơ cấu:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị của TCTD
1.					
2.					

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1.		
2.		

4. Báo cáo tổ chức tín dụng cổ phần có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ tại thời điểm đề nghị bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của pháp luật hiện hành:

IV. Tổ chức tín dụng cổ phần cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong văn bản, hồ sơ đề nghị chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối, quy định của pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỔ PHẦN
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích: (1) trích yếu nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ; (2), (4) tên tổ chức tín dụng cổ phần; (3) số định danh của tổ chức (nếu có).

PHỤ LỤC II

MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NHNN-QLGS
V/v chấp thuận việc tổ chức tín dụng
cổ phần... niêm yết cổ phiếu trên thị
trường chứng khoán nước ngoài

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Tổ chức tín dụng cổ phần

Xét đề nghị của (tổ chức tín dụng cổ phần, số định danh của tổ chức (nếu có)) ... tại văn bản số ... ngày ... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo về việc đề nghị chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của (tổ chức tín dụng cổ phần).... như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến niêm yết: cổ phiếu;
- Tên Sở giao dịch dự kiến niêm yết:.....

2. (Tổ chức tín dụng cổ phần)... có trách nhiệm thực hiện các thủ tục pháp lý và chế độ báo cáo liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và của nước ngoài (nếu có).

3. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký.

4. Văn bản này đương nhiên hết hiệu lực trong các trường hợp:

a) Sau 12 tháng kể từ ngày ký văn bản này, cổ phiếu của tổ chức tín dụng cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài;

b) Cổ phiếu của tổ chức tín dụng cổ phần đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài bị hủy bỏ niêm yết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VP, QLGS.

THỐNG ĐỐC

13. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003261)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tối thiểu 06 tháng trước ngày Giấy phép hết thời hạn, tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước;

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

*** Đối với trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động:**

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- + Thời hạn hoạt động hiện tại;
- + Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;
- + Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh);

(ii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động;

*** Đối với trường hợp thay đổi thời hạn hoạt động ngoài trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thành phần hồ sơ gồm:**

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- + Thời hạn hoạt động hiện tại;
- + Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;
- + Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh);

(ii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động;

d) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc thay đổi thời hạn hoạt động.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

14. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn đối với nội dung tăng vốn điều lệ (mã TTHC: 1.003250)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước;

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn *17 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

(iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong 03 năm liền kể sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;

(vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô vốn điều lệ mới;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ đến điều kiện tăng vốn (trong trường hợp tại báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có ý kiến ngoại trừ);

d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm, ngoài các hồ sơ quy định tại điểm a, b, c nêu trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên góp vốn để cấp, góp thêm;

(ii) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam, *chi nhánh ngân hàng nước ngoài* xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới;

(iii) Báo cáo tài chính của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp chủ sở hữu, thành viên góp vốn là tổ chức tín dụng Việt Nam *hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, d (i), d(ii) nêu trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan;

e) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c nêu trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

15. Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần (mã TTHC: 1.003241)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước;

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa hoàn tất việc tăng vốn hoặc cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thì văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

*** Hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm các tài liệu sau đây:**

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ số, ngày văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

b) Phương án tăng vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền quyết định thông qua, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

(iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; các thông tin về các đợt dự kiến phát hành trong năm; phương án phát hành cho từng đợt. Trường hợp tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, phương án tăng vốn điều lệ phải bao gồm các nội dung sau đây:

+ Tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;

+ Tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng giá trị trái phiếu đề nghị được chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi;

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong năm liền kề sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;

(vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô mức vốn điều lệ mới;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ đến điều kiện tăng vốn (trong trường hợp tại báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có ý kiến ngoại trừ);

d) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với số cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi);

đ) Báo cáo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân, tổ chức nước ngoài) hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

*** Hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ ngoài các trường hợp tăng vốn điều lệ từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm các tài liệu sau đây:**

a) Phương án tăng vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền quyết định thông qua, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

(iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; các thông tin về các đợt dự kiến phát hành trong năm; phương án phát hành cho từng đợt. Trường hợp tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, phương án tăng vốn điều lệ phải bao gồm các nội dung sau đây:

+ Tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;

+ Tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng giá trị trái phiếu đề nghị được chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi;

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong năm liền kề sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;

(vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô mức vốn điều lệ mới;

b) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ đến điều kiện tăng vốn (trong trường hợp tại báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có ý kiến ngoại trừ);

c) *Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:*

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với số cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi);

d) Báo cáo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân, tổ chức nước ngoài) hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

đ) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó phải có nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng.

e) Bảng kê khai người có liên quan của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-NHNN;

g) Bảng kê khai số thuế đã nộp của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

h) Báo cáo dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của tổ chức, cá nhân dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) dự kiến tham gia mua, nhận chuyển nhượng cổ phần để tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng;

i) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn (trừ tổ chức Việt Nam);

k) Báo cáo tài chính của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tổ chức dự kiến là cổ đông lớn là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bảng kê khai người có liên quan quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-NHNN

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-NHNN
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

- 1. Thông tin người kê khai**
2. Người có liên quan

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Tham gia góp vốn	
			Tên tổ chức tín dụng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nguyễn Văn A	Người khai		
2	Nguyễn Thị B	Vợ		
3	Công ty X			
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người kê khai (6)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số căn cước hoặc số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).

- Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; nơi ở hiện tại.

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (2): Liệt kê người khai và tất cả người có liên quan của người khai là cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, “Người có liên quan” tham chiếu theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.3. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.4. Đối với phần kê khai tại (6): Nếu là tổ chức, người ký tên người kê khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

16. Thủ tục chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.001898)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước;

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, nhận chuyển nhượng cổ phần:

+ Đối với cá nhân: Họ và tên; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

+ Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(ii) Số cổ phần mua, nhận chuyển nhượng, tổng giá trị cổ phần mua, nhận chuyển nhượng theo mệnh giá;

(iii) Số cổ phần sở hữu, tổng giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua, nhận chuyển nhượng;

(iv) Ngày giao dịch dự kiến;

(v) Nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm, bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng cổ phần do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

c) Văn bản thỏa thuận, cam kết mua, nhận chuyển nhượng cổ phần giữa bên bán với bên mua, bên chuyển nhượng với bên nhận chuyển nhượng;

d) *Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:*

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi);

đ) Báo cáo về dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của bên mua, nhận chuyển nhượng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng;

e) Bảng kê khai người có liên quan của bên mua, nhận chuyển nhượng theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-NHNN;

g) Bảng kê khai số thuế đã nộp của bên mua, nhận chuyển nhượng trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

h) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của bên mua, nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức Việt Nam);

i) Báo cáo tài chính của bên mua, nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bảng kê khai người có liên quan quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-NHNN.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

17. Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003072)

-Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước;

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn *21 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

*** Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn hiện tại của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm các tài liệu sau đây:**

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng;

+ Tỷ lệ chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn, thành viên góp vốn và người có liên quan trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

+ Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

+ Lý do mua bán, chuyển nhượng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

d) Văn bản thỏa thuận, cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng với bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

đ) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

e) Báo cáo tài chính của bên mua, bên nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam *hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

*** Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn mới gồm:**

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng;

+ Tỷ lệ chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn, thành viên góp vốn và người có liên quan trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

+ Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

+ Lý do mua bán, chuyển nhượng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

d) Văn bản thỏa thuận, cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng với bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

đ) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

e) Hồ sơ của thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.

*** Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu mới gồm:**

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng;

+ Tỷ lệ chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn, thành viên góp vốn và người có liên quan trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

+ Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

+ Lý do mua bán, chuyển nhượng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

d) Văn bản thỏa thuận, cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng với bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

đ) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua nội dung phương án mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

g) Phương án mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(ii) Thông tin của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Lý do mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(iv) Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động, việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ và tại thời điểm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(v) Quyền lợi, nghĩa vụ của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);

(vi) Giá chuyển nhượng, thời hạn, phương thức thanh toán; thời hạn bàn giao tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho chủ sở hữu mới;

(vii) Trách nhiệm của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng đối với chi phí phát sinh trong quá trình chuyển nhượng;

(viii) Các phương án xử lý trong trường hợp bên tham gia mua bán, chuyển nhượng đơn phương hủy bỏ thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng;

(ix) Dự kiến về sơ đồ tổ chức, nhân sự, mạng lưới hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(x) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển

tiền tệ); các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm;

(xi) Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi mua bán, chuyển nhượng;

h) Hồ sơ của chủ sở hữu mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với chủ sở hữu thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

18. Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới (Mã TTHC: 1.012682)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị tăng vốn điều lệ của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận tăng mức vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại và mức vốn điều lệ dự kiến tăng;

(iii) Cam kết thông báo cho các thành viên góp vốn mới về quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trong đó bao gồm:

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp; không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

+ Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của thành viên góp vốn, thành viên góp vốn và người có liên quan.

(iv) Báo cáo tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ của thành viên mới là ngân hàng thương mại Việt Nam và thành viên mới chịu trách nhiệm về thông tin này;

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định của chủ sở hữu đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua việc

tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ của ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

- (i) Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;
- (ii) Các đợt dự kiến tăng mức vốn điều lệ;
- (iii) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;
- (iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

c) Trường hợp ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn góp của thành viên góp vốn mới, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 50/2025/TT-NHNN, ngân hàng thương mại gửi các văn bản, tài liệu sau:

- (i) Đối với thành viên mới là tổ chức tín dụng nước ngoài:

- + Báo cáo tài chính 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn đã được kiểm toán độc lập và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- + Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);

- + Tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

- + Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài, trong đó bao gồm các nội dung tối thiểu sau: Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền trước năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ; Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nguyên xứ trong năm liền trước năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ; Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng trong năm liền trước năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ; Cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của ngân hàng trách nhiệm hữu hạn dự kiến góp vốn) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế;

- + Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế chứng minh thứ hạng tín nhiệm trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

- + Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá

trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

+ Văn bản cam kết về việc sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng, đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Đối với thành viên mới là ngân hàng thương mại Việt Nam:

+ Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

+ Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);

+ Báo cáo tình hình tuân thủ giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần dự kiến sau khi góp vốn;

(iii) Đối với thành viên mới của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng, hồ sơ bao gồm:

+ Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương (trừ doanh nghiệp Việt Nam);

+ Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của doanh nghiệp tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho doanh nghiệp được tham gia góp vốn vào ngân hàng;

- Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện đối với đối tác mới là doanh nghiệp không phải ngân hàng khi góp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh

ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

- *Báo cáo tài chính 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn đã được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam);*

- Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);

- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn ngân hàng liên doanh của doanh nghiệp không phải ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN;

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN;

- Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;

- Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn vào ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận đề nghị tăng mức vốn điều lệ/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn ngân hàng liên doanh của doanh nghiệp không phải ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN;

+ Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN;

+ Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn vào ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC I

Mẫu Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn ngân hàng liên doanh của doanh nghiệp không phải ngân hàng
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Ngân hàng liên doanh.....

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Số Fax:
- Tên người đại diện theo pháp luật:
- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Khả năng về tài chính để tham gia góp vốn vào Ngân hàng liên doanh:

- Vốn chủ sở hữu (A):
- Tài sản dài hạn trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn (B):

- Khả năng về tài chính để tham gia góp vốn vào Ngân hàng liên doanh ($C = A - B$):

(Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định cần kê khai thêm các thông tin dưới đây)

- Mức vốn pháp định theo yêu cầu của pháp luật hiện hành áp dụng đối với ngành nghề mà doanh nghiệp đang hoạt động (*trường hợp doanh nghiệp hoạt động đa ngành thì kê khai mức vốn pháp định cao nhất*) (D):

- Vốn chủ sở hữu trừ mức vốn pháp định ($E = A - D$):

Kết luận: Đủ khả năng tài chính tham gia góp vốn vào Ngân hàng liên doanh (chỉ kết luận này khi C và E tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của doanh nghiệp).

3. Cam kết

- Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có)/.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: *Vốn chủ sở hữu, Tài sản dài hạn, Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn lấy theo báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.*

PHỤ LỤC II

MẪU BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:

2. Số định danh của tổ chức (nếu có):

3. Mã số thuế:

4. Lĩnh vực kinh doanh:

5. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng:

- Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Địa chỉ:

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:

- Dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:

- Dư nợ quá hạn tại thời điểm kê khai:

- Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Thời điểm (*Ghi rõ tháng, năm*):

+ Thực trạng xử lý nợ xấu (*Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào*):

6. Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của bảng kê khai./.

..., ngày ... tháng ... năm

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VÀ TÌNH HÌNH
THAM GIA GÓP VỐN VÀO NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội
dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn vào ngân hàng thương mại) và “người có liên quan”	Số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam); đối với tổ chức: tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của tổ chức (số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL của ngân hàng TMCP ...
				Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.	Nguyễn Văn A		Người khai			

2.	Nguyễn Thị B		Vợ			
3.	Công ty X		Là công ty do ông A là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc...			
...						
Tổng cộng					% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người khai (8)
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan” theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

2. Đối với phần kê khai tại (3): Đối với cá nhân: ghi rõ số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam); đối với tổ chức: ghi rõ tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của tổ chức (số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân

không có quốc tịch Việt Nam) tương ứng với người khai và người có liên quan ở cột (2).

3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.

4. Đối với phần kê khai tại (5): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.

5. Đối với phần kê khai tại (8): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân và đóng dấu; Nếu là cá nhân, chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

6. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

7. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật./.

19. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại (Mã TTHC: 2.000738)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa điểm hiện tại;

(ii) Địa điểm dự kiến chuyển đến;

(iii) Lý do thay đổi;

(iv) Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới đảm bảo đáp ứng các điều kiện đối với trụ sở theo quy định của pháp luật;

(v) Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

(vi) Số, ngày Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với ngân hàng thương mại cổ phần thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

Đối với văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, ngân hàng thương mại bổ sung thông tin về mã Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất vào văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, ngân hàng thương mại không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, Ngân hàng Nhà nước đề nghị ngân hàng thương mại nộp bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng thương mại

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính/ văn bản không chấp thuận

- Lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

- Yêu cầu, điều kiện: Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

20. Thủ tục chấp thuận và sửa đổi, bổ sung Giấy phép của ngân hàng thương mại đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động (Mã TTHC: 2.000728)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước (trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, ngân hàng thương mại phải gửi hồ sơ tối thiểu 06 tháng trước ngày Giấy phép hết thời hạn)

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động và có quyết định sửa đổi thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại tại Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- (i) Thời hạn hoạt động hiện tại;
- (ii) Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;
- (iii) Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

(iv) Số, ngày Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với ngân hàng thương mại cổ phần thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại;

c) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá tổng kết hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh;

(ii) Dự kiến kế hoạch kinh doanh cho 03 năm tiếp theo;

d) Trường hợp thay đổi thời hạn hoạt động ngoài trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, ngân hàng thương mại nộp hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 9 Thông tư số 50/2025/TT-NHNN; tài liệu chứng minh sự cần thiết và lý do của việc thay đổi thời hạn hoạt động.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại tại Giấy phép/ Văn bản không chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của NHNN tại giấy phép

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

21. Thủ tục đề nghị cấp đổi giấy phép/cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép/cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép đồng thời cấp đổi giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.002173)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nhu cầu cấp đổi giấy phép/cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép/cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời cấp đổi Giấy phép lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2: Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp đổi giấy phép/cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép/cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời cấp đổi Giấy phép theo đề nghị cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 55/2025/TT-NHNN, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện;

b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm theo *thông tin Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận*.

Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư số 55/2025/TT-NHNN, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đề nghị bổ sung nội dung hoạt động, trong đơn cần cam kết đây là các nội dung hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài là chủ sở hữu, thành viên góp vốn có tỷ lệ góp vốn điều lệ lớn nhất trong tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

c) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam là hoạt động mà chủ sở hữu, thành viên góp vốn có tỷ lệ góp vốn

điều lệ lớn nhất trong tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

d) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c nêu trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng đã được quy định cụ thể tại Luật số 32/2024/QH15 và Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này phải có thêm các văn bản sau đây:

(i) Quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung;

(ii) Cam kết về việc đã đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, công nghệ để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung theo các quy định pháp luật có liên quan.

Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời cấp đổi Giấy phép:

a) Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư số 55/2025/TT-NHNN, trong đó bao gồm nội dung hoạt động đề nghị thực hiện, đề nghị bổ sung và nội dung cam kết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 55/2025/TT-NHNN;

b) Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, c, d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 55/2025/TT-NHNN, bao gồm:

(i) Danh mục các nội dung hoạt động kèm *thông tin Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận*.

(ii) Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

(iii) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam là hoạt động mà chủ sở hữu, thành viên góp vốn có tỷ lệ góp vốn điều lệ lớn nhất trong tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

(iv) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 55/2025/TT-NHNN, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng đã được quy định cụ thể tại Luật số 32/2024/QH15 và Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư số 55/2025/TT-NHNN phải có thêm các văn bản sau đây:

+ Quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung;

+ Cam kết về việc đã đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, công nghệ để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung theo các quy định pháp luật có liên quan.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ
- **Thời hạn giải quyết:** 35 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**
 - + Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cấp đổi/Giấy phép cấp đổi bao gồm cả nội dung cấp bổ sung của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu phụ lục I, phụ lục II, phụ lục III, phụ lục IV Thông tư số 55/2025/TT-NHNN/Vấn bản từ chối.
 - + Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng/ Vấn bản từ chối
- **Lệ phí:**
 - + Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép đồng thời cấp đổi giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng: 35.000.000 đồng
 - + Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép: Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
 - + Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm Thông tư 55/2025/TT-NHNN.
 - + Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 55/2025/TT-NHNN
 - + Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư số 55/2025/TT-NHNN.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;
 - + Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
 - + Thông tư số 150/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục I

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập và hoạt động công ty tài chính...(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà
nước Việt Nam quy định về cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động
vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính
.....(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số ngày
..... cho Công ty tài chính(*) như sau:

1. Tên Công ty tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có): ...;
- Tên giao dịch (nếu có):

2. Mã Công ty tài chính:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2 Vốn điều lệ của Công ty tài chính.....(*) là.... (bằng chữ:).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính ... (*) là năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây) kể từ ngày (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động^()**

Công ty tài chính ... (*) được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tổng hợp theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.
 2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.
 3. Cho vay.
 4. Bảo lãnh ngân hàng.
 5. Chiết khấu, tái chiết khấu.
 6. Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính.
 7. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).
 8. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
 9. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.
 10. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 11. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
 12. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.
 13. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
 14. Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối (đối với công ty tài chính được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng).
 15. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.
 16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
 17. Các hoạt động kinh doanh khác:
-

a) Nhận vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cấp tín dụng của công ty tài chính tổng hợp đó;

b) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

c) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;

d) Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản của khách hàng;

đ) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

e) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

g) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

h) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

18. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty tài chính ...(*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính số ngày, và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép này được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty tài chính (*); hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính...(**)).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh/TP
- Lưu: VP, QLGS.

THÔNG ĐỐC

(*) Tên công ty tài chính đề nghị cấp đổi Giấy phép

(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục II

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH BẢO THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-NHNN

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập và hoạt động công ty tài chính...(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà
nước Việt Nam quy định về cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động
vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính
.....(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số ngày
..... cho Công ty tài chính(*) như sau:

1. Tên Công ty tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có): ...;

- Tên giao dịch (nếu có):

2. Mã Công ty tài chính:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2. Vốn điều lệ của Công ty tài chính(*) là (bằng chữ:).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính ... (*) là năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây) kể từ ngày (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động^()**

Công ty tài chính ... (*) được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính bao thanh toán theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.
3. Cho vay.
4. Chiết khấu, tái chiết khấu.
5. Bao thanh toán
6. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).
7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.
9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.
12. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
13. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.
14. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
15. Các hoạt động kinh doanh khác:
 - a) Nhận vốn ủy thác để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép;
 - b) Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cho vay, cấp tín dụng chính của công ty tài chính chuyên ngành đó;
 - c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;

đ) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

e) Đối với công ty tài chính bao thanh toán được thực hiện dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;

g) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

h) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

16. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty tài chính ...(*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính số ngày, và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép này được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty tài chính (*); hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính...(**)).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh/TP
- Lưu: VP, QLGS.

THÔNG ĐỌC

(*) Tên công ty tài chính đề nghị cấp đổi Giấy phép.

(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục III

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-NHNN

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập và hoạt động công ty tài chính ...(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà
nước Việt Nam quy định về cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động
vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính
.....(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số ngày
..... cho Công ty tài chính(*) như sau:

1. Tên Công ty tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có): ...;
- Tên giao dịch (nếu có):

2. Mã Công ty tài chính:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2. Vốn điều lệ của Công ty tài chính(*) là (bằng chữ:).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính ... (*) là năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây) kể từ ngày (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động (**)

Công ty tài chính ... (*) được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.
3. Cho vay.
4. Chiết khấu, tái chiết khấu.
5. Phát hành thẻ tín dụng.
6. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).
7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.
9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.
12. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
13. Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối (đối với công ty tài chính được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng).
14. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.
15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
16. Các hoạt động kinh doanh khác:
 - a) Nhận vốn ủy thác để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép;
 - b) Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cho vay, cấp tín dụng chính của công ty tài chính chuyên ngành đó;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;

đ) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

e) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

g) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

17. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty tài chính ...(*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính số ngày, và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép này được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty tài chính (*); hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính...(*)).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh/TP
- Lưu: VP, QLGS.

THÔNG ĐỌC

(*) Tên công ty tài chính đề nghị cấp đổi Giấy phép.

(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục IV

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập và hoạt động công ty cho thuê tài chính ...(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số ngày cho Công ty cho thuê tài chính(*) như sau:

1. Tên Công ty cho thuê tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có): ...;
- Tên giao dịch (nếu có):

2. Mã Công ty cho thuê tài chính:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2. Vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính(*) là (bằng chữ:).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty cho thuê tài chính ... (*) là năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây) kể từ ngày (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động^()**

Công ty cho thuê tài chính ... (*) được thực hiện các hoạt động của công ty cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.
3. Cho vay.
4. Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.
5. Cho thuê tài chính.
6. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).
7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.
9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.
12. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
13. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.
14. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
15. Các hoạt động kinh doanh khác:
 - a) Nhận vốn ủy thác để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép;
 - b) Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cho vay, cấp tín dụng chính của công ty tài chính chuyên ngành đó;
 - c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

- d) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;
- đ) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
- e) Cho thuê vận hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;
- g) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;
- h) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

16. Bán các khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính cho các tổ chức và cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

17. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty cho thuê tài chính ...(*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động công ty cho thuê tài chính số ngày, và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép này được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty cho thuê tài chính (*); hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cho thuê tài chính...(*)).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh/TP;
- Lưu: VP, QLGS.

THÔNG ĐỌC

(*) Tên công ty cho thuê tài chính đề nghị cấp đổi Giấy phép.

(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục V
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY...⁽¹⁾

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Công ty..... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (sau đây gọi là Giấy phép) với các nội dung sau đây:

1. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên giao dịch (nếu có):
2. Mã của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:....
4. Vốn điều lệ:...đồng (bằng chữ....)
5. Thời hạn hoạt động:.....
6. Các nội dung hoạt động đề nghị cấp đổi Giấy phép:

STT	Nội dung hoạt động đề nghị cấp đổi	Nội dung hoạt động đã được cấp tại Giấy phép và các Quyết định sửa đổi Giấy phép	Giấy phép thành lập và các văn bản chấp thuận (Quyết định sửa đổi Giấy phép)*
1	...		
2	...		

(1) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị

(): Liệt kê Giấy phép và các văn bản chấp thuận (Quyết định sửa đổi Giấy phép) tương ứng với nội dung hoạt động được cấp phép.*

7. Hồ sơ kèm theo:

8. Công ty..... cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép;
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

PHI NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY...⁽²⁾

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Công ty..... (mã công ty:...) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động (sau đây gọi là Giấy phép) với các nội dung sau đây:

1. Các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép:

2. Hồ sơ kèm theo:

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

- Các tài liệu khác.

3. Công ty..... cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của công ty.

- Đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, công nghệ để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung theo các quy định pháp luật có liên quan (*trong trường hợp đề nghị bổ sung hoạt động ngân hàng*).

- Hoạt động đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài là chủ sở hữu, thành viên góp vốn có tỷ lệ góp vốn điều lệ lớn nhất trong tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép

(1) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị

thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính (*trong trường hợp tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đề nghị bổ sung hoạt động*).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY
PHÉP ĐỒNG THỜI CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO
GIẤY PHÉP ĐỒNG THỜI CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY...⁽³⁾

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Công ty..... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (sau đây gọi là Giấy phép) với các nội dung sau đây:

1. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên giao dịch (nếu có):
2. Mã của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Vốn điều lệ:...đồng (bằng chữ....)
5. Thời hạn hoạt động:

6. Các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động

STT	Nội dung hoạt động đề nghị	Nội dung hoạt động đã được cấp tại Giấy phép và các Quyết định sửa đổi Giấy phép	Giấy phép thành lập và các văn bản chấp thuận (Quyết định sửa đổi Giấy phép)*
I. Nội dung hoạt động đề nghị cấp đổi:			

(1) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị

1	...		
2	...		
II. Nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung:			
1	...		
2	...		

(*): *Liệt kê Giấy phép và các văn bản chấp thuận (Quyết định sửa đổi Giấy phép) tương ứng với nội dung hoạt động được cấp phép.*

7. Hồ sơ kèm theo:

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;
- Các tài liệu khác.

8. Công ty..... xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép.
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của công ty.
- Đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, công nghệ để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung theo các quy định pháp luật có liên quan (*trong trường hợp đề nghị bổ sung hoạt động ngân hàng*).
- Hoạt động đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài là chủ sở hữu, thành viên góp vốn có tỷ lệ góp vốn điều lệ lớn nhất trong tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính (*trong trường hợp tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đề nghị bổ sung hoạt động*).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

PHI NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

22. Thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng (Mã TTHC: 2.000784)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của tổ chức tín dụng; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 (trừ công ty con, công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản) gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần;

c) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung sau:

(i) Tên (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài), địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn, mua cổ phần;

(ii) Tên (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài), địa chỉ trụ sở chính, nội dung hoạt động, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Lý do, sự cần thiết của việc góp vốn, mua cổ phần;

(iv) Dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ vốn góp; dự kiến số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần;

(v) Vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng trước khi thực hiện góp vốn, mua cổ phần;

(vi) Dự kiến vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn, mua cổ phần tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(vii) Tỷ lệ nợ xấu của từng tháng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

(viii) Tình hình chấp hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

(ix) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(x) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(xi) Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng; số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị;

(xii) Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của doanh nghiệp sau khi được tổ chức tín dụng góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(xiii) Đánh giá tác động của việc góp vốn, mua cổ phần đến tình hình tài chính, quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng;

(xiv) *Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán, tổ chức tín dụng phải cung cấp tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn, mua cổ phần và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ.*

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi) khoản 1 Điều này và thông tin về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng, việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(vii), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii), c(xiv) khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 và các nội dung sau:

(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(ii) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii), c(xiv) khoản 1 Điều 6 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 và các thông tin sau:

(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(ii) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

(iii) Thông tin về khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần, gồm: Thực trạng của khoản nợ được dự kiến chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần (số dư của khoản nợ, nhóm nợ, khả năng thu hồi khoản nợ); số vốn góp, tỷ lệ vốn góp hoặc số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần được hình thành từ việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng (bao gồm ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng / Văn bản không chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

- **Yêu cầu, điều kiện:**

1. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 (trừ công ty con là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản):

a) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;

b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

c) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

d) Kết quả hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;

đ) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

e) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhỏ hơn 3% trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

g) Đảm bảo có cơ cấu tổ chức quản lý; số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tuân thủ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị.

2. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 (trừ công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản):

a) Các điều kiện quy định tại điểm a, d, đ, e, g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

c) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

3. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản:

a) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;

b) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;

c) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

4. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025:

a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Đảm bảo tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.

5. Điều kiện thực hiện chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025:

a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025;

b) Khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần phải là khoản nợ xấu và việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần là để xử lý khoản nợ xấu. Nợ xấu là nợ được xác định theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 60/2025/TT-NHNN quy định về điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản*

hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng)

Tên của TCTD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng (nêu rõ tên, số định danh của tổ chức) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần như sau:

1. Thông tin chung về công ty con, công ty liên kết được thành lập, mua lại hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp, vốn cổ phần, nhận chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có); tên viết tắt (nếu có);

b) Địa chỉ hiện nay (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc địa chỉ dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết);

c) Mức vốn điều lệ (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc mức vốn điều lệ dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết);

d) Nội dung hoạt động (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc nội dung hoạt động dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết);

đ) Thời hạn hoạt động (đối với trường hợp mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần vào doanh nghiệp khác) hoặc thời hạn hoạt động dự kiến (đối với trường hợp thành lập công ty con, công ty liên kết).

2. Tổ chức tín dụng (nêu rõ tên) cam kết:

- Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần là chính xác, trung thực;

- Đáp ứng các điều kiện để được thực hiện góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp theo quy định tại Thông tư này;

- Khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần là khoản nợ xấu và việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần là để xử lý nợ xấu (đối với trường hợp chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần để xử lý nợ xấu).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TCTD

(Ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: Mẫu văn bản này chỉ quy định những nội dung chủ yếu cần có, ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành có thể bổ sung thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

23. Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước/phòng giao dịch của ngân hàng thương mại (2.001399)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị sau:

(i) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trong trường hợp đề nghị mở chi nhánh ở trong nước);

(ii) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; có ý kiến về các địa bàn dự kiến mở chi nhánh, phòng giao dịch; việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư 61/2025/TT-NHNN đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch).

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 61/2025/TT-NHNN có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng thương mại đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước. Trường hợp chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận việc thành lập đối với từng chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này mà ngân hàng thương mại không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

*** Đối với trường hợp thành lập chi nhánh ở trong nước của Ngân hàng thương mại**

+ Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh ở trong nước theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2026/TT-NHNN.

+ Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh ở trong nước;

+ Đề án thành lập chi nhánh ở trong nước, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa điểm đặt trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã); nội dung hoạt động; đối tượng khách hàng chính;

(ii) Lý do thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập;

(iii) Cơ cấu tổ chức: sơ đồ tổ chức gồm các phòng ban của chi nhánh;

(iv) Nghiên cứu khả thi: phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;

(v) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

+ Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước theo quy định tại Thông tư số 61/2025/TT-NHNN.

*** Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại**

+ Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập phòng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2026/TT-NHNN.

+ Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành

viên về việc thành lập phòng giao dịch. Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phải nêu rõ tên, địa điểm đặt trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã), chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch, các nghiệp vụ phòng giao dịch sẽ thực hiện, phạm vi hoạt động về mặt địa lý và đối tượng khách hàng chính.

+ Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư số 61/2025/TT-NHNN.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước của ngân hàng thương mại/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN*.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

*** Đối với trường hợp thành lập chi nhánh ở trong nước của Ngân hàng thương mại**

(a) Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

+ Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

+ Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng) và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích,

phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

+ Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

+ Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc;

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

+ Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

+ Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập như sau:

(i) Số lượng chi nhánh của một ngân hàng thương mại được thành lập phải đảm bảo:

$$300 \text{ tỷ đồng} \times N1 + 100 \text{ tỷ đồng} \times M1 + 50 \text{ tỷ đồng} \times N2 + 20 \text{ tỷ đồng} \times M2 < C$$

Trong đó:

- **C** là giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) và tại tháng liền trước tháng đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị).

- **N1** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **N2** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu

vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

- **M1** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **M2** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

(ii) Việc xác định địa điểm của chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập thuộc các khu vực quy định tại các điểm N1, N2, M1, M2 nêu tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 61/2025/TT-NHNN được căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

(iii) Ngân hàng thương mại được thành lập tối đa 10 chi nhánh tại mỗi khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

(iv) Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được thành lập không quá năm (05) chi nhánh và số chi nhánh tại vùng nông thôn chiếm ít nhất 50% tổng số chi nhánh được thành lập trong một năm tài chính.

(v) Ngoài số lượng tại điểm (iv) nêu trên, ngân hàng thương mại đã hoàn tất thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh thì được thành lập tại các địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác số chi nhánh tương ứng với số chi nhánh đã chấm dứt hoạt động.

+ Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ở địa bàn không phải vùng nông thôn, ngân hàng thương mại phải được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ ngân hàng thương mại không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

(b) Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

+ Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

+ Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong các tháng liền trước kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

+ Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc;

+ Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

+ Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập như sau:

(i) Số lượng chi nhánh của một ngân hàng thương mại được thành lập phải đảm bảo:

$$300 \text{ tỷ đồng} \times N1 + 100 \text{ tỷ đồng} \times M1 + 50 \text{ tỷ đồng} \times N2 + 20 \text{ tỷ đồng} \times M2 < C$$

Trong đó:

- *C là giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) và tại tháng liền trước tháng đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị).*

- **N1** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **N2** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

- **M1** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **M2** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

(ii) Việc xác định địa điểm của chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập thuộc các khu vực quy định tại các điểm N1, N2, M1, M2 nêu tại khoản 1, Điều 7, Thông tư 61/2025/TT-NHNN được căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

(iii) Ngân hàng thương mại được thành lập tối đa 10 chi nhánh tại mỗi khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

(iv) Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị được thành lập không quá 03 chi nhánh và các chi nhánh này không được thành lập trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong một năm tài chính.

*** Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại**

+ Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

+ Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng) và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

+ Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

+ Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ

và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc;

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

+ Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

+ Trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch ở địa bàn không phải vùng nông thôn, ngân hàng thương mại phải được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ trường hợp không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

+ Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện:

(i) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị);

(ii) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

(iii) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

(iv) Có chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị dương.

+ Đáp ứng yêu cầu về số lượng phòng giao dịch được thành lập như sau:

(i) Số lượng phòng giao dịch của một ngân hàng thương mại được thành lập phải đảm bảo:

$$300 \text{ tỷ đồng} \times N1 + 100 \text{ tỷ đồng} \times M1 + 50 \text{ tỷ đồng} \times N2 + 20 \text{ tỷ đồng} \times M2 < C$$

Trong đó:

- *C là giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được xác định*

theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) và tại tháng liền trước tháng đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị).

- **N1** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **N2** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

- **M1** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **M2** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

(ii) Việc xác định địa điểm của phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập thuộc các khu vực quy định tại các điểm N1, N2, M1, M2 nêu tại khoản 1 điều 7, Thông tư 61/2025/TT-NHNN được căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

(iii) Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh không lớn hơn 02 lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại mỗi khu vực này và không quá 20 phòng giao dịch.

(iv) Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không lớn hơn 03 lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại tỉnh, thành phố đó.

(v) Trường hợp có số lượng phòng giao dịch được thành lập trước ngày Thông tư 61/2025/TT-NHNN có hiệu lực thi hành vượt quá số lượng quy định tại tại điểm (iii) và điểm (iv) nêu trên hoặc có số lượng phòng giao dịch tại thời điểm đề nghị bằng số lượng tại điểm (iii) và điểm (iv) nêu trên, ngân hàng thương mại được thành lập thêm không quá 02 phòng giao dịch tại vùng nông thôn trên mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này trong mỗi năm tài chính. Tổng số lượng phòng giao dịch được thành lập thêm tại khoản này không vượt quá số

lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại trên mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại thời điểm đề nghị thành lập.

(vi) Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị được thành lập không quá 10 phòng giao dịch và số lượng phòng giao dịch tại vùng nông thôn chiếm ít nhất 50% tổng số phòng giao dịch được thành lập trong một năm tài chính.

(vii) Số lượng phòng giao dịch được quản lý bởi 01 chi nhánh do ngân hàng thương mại tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của mỗi chi nhánh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

TÊN NGÂN HÀNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THƯƠNG	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
MẠI	-----

Số:

..., ngày... tháng.... năm....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp: Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài như sau:

I. Danh sách đề nghị

1. Mạng lưới hoạt động ở trong nước:

1.1. Thành lập chi nhánh:

1.1.1. Tên chi nhánh

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

1.1.3. Chi nhánh thuộc/ không thuộc vùng nông thôn.

1.2. Thành lập phòng giao dịch

Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập	Địa điểm dự kiến (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)	Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch
	Địa điểm tại vùng nông thôn	Địa điểm khác
a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có) c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có) d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).		

1.3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

1.3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

1.3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

2. Mạng lưới hoạt động ở nước ngoài:

2.1. Thành lập chi nhánh:

2.1.1. Tên chi nhánh

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2.1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2.1.3. Vốn cấp cho chi nhánh (dự kiến).

2.2. Thành lập ngân hàng con ở nước ngoài:

2.2.1. Tên ngân hàng con

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2.2.2. Địa điểm đặt trụ sở ngân hàng con.

2.2.3. Vốn thành lập ngân hàng con (dự kiến).

2.2.4. Thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con (tên, địa chỉ); dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài.

2.3. Thành lập văn phòng đại diện:

2.3.1. Tên văn phòng đại diện;

2.3.2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc ngân hàng thương mại đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định

1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

.....

1.2. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:

- Dự phòng chung thực trích:

- Dự phòng cụ thể phải trích:

- Dự phòng cụ thể thực trích:

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

1.3. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng liền trước kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.7. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị

2.1. Lợi nhuận sau thuế của năm trước liền kề năm đề nghị:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán:..... tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính riêng lẻ có kiểm toán:..... tỷ đồng

2.2. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.3. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm liền kề trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước thời tháng đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:

- Dự phòng chung thực trích:
- Dự phòng cụ thể phải trích:
- Dự phòng cụ thể thực trích:
- Tỷ lệ nợ xấu (%):

2.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.6. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.7. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.8. Kết quả xếp hạng đã được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị: ...

2.9. Điều kiện bổ sung đối với việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài:

i) Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

ii) Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ đồng trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

iii) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị:

- a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

3. Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch:

STT	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có tại địa bàn đề nghị thành lập phòng giao dịch		Thông tin liên quan đến chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch					
	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tên và địa chỉ chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch	Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý	Thời gian hoạt động (tháng)	Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (%)	Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (có/không)	Chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

24. Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (1.007956)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép theo đề nghị cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

(1). Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép

- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện.

- *Danh mục các nội dung hoạt động kèm theo thông tin Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận;*

(2). Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép

- Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, trong đơn cần nêu rõ:

- (i) Các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung;

(ii) Cam kết đảm bảo đáp ứng các điều kiện để thực hiện các nội dung hoạt động theo đề nghị và tiếp tục duy trì việc đáp ứng các điều kiện này theo quy định;

(iii) Cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài);

(iv) Cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

(v) Báo cáo về việc ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) ngân hàng thương mại nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép; văn bản của ngân hàng mẹ đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam là hoạt động mà chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính;

- Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép các hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép;

- Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bổ sung các tài liệu sau:

(i) Quy định nội bộ về chính sách và quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng yêu cầu của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt

hàng loạt khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; Quy định nội bộ về các tiêu chuẩn lựa chọn các hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối;

(ii) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật;

(iii) Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc các văn bản, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp cấp hoặc Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam (đối với các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế đã thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam).

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng đối với đề nghị tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

(iv) Tài liệu mô tả về hệ thống thanh toán quốc tế đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động, bao gồm: Mô tả hạ tầng kỹ thuật kết nối giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với hệ thống thanh toán quốc tế; Mô tả về quy trình nghiệp vụ xử lý giao dịch, chuyển mạch, bù trừ, quyết toán các giao dịch thanh toán giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế.

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng trong trường hợp tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

(v) Tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 hoặc thư cam kết của chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu từ 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) về việc được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đối với hoạt động dự kiến bổ sung vào Giấy phép;

(vi) Đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp các tài liệu sau:

+ Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế;

+ Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc các văn bản, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp cấp hoặc Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam (đối với các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế đã thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam).

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng đối với đề nghị tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

+ Tài liệu mô tả về hệ thống thanh toán quốc tế đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động, bao gồm: Mô tả hạ tầng kỹ thuật kết nối giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với hệ thống thanh toán quốc tế; Mô tả về quy trình nghiệp vụ xử lý giao dịch, chuyển mạch, bù trừ, quyết toán các giao dịch thanh toán giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế.

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng trong trường hợp tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

+ Tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 hoặc thư cam kết của chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu từ 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) về việc được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đối với hoạt động dự kiến bổ sung vào Giấy phép;

+ Báo cáo thuyết minh việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 và có các quy định nội bộ về chính sách và quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng yêu cầu của pháp

luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; Quy định nội bộ về các tiêu chuẩn lựa chọn các hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối

+ Tài liệu chứng minh việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước ngày 01 tháng 7 năm 2024, gồm một trong số các giấy tờ: Hợp đồng hoặc thỏa thuận hoặc xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế, các văn bản, tài liệu tương đương khác hoặc xác nhận của Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế theo thẩm quyền về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không hợp pháp hoá lãnh sự đối với các tài liệu đã có nội dung bằng tiếng Việt (bao gồm các tài liệu bằng tiếng nước ngoài được dịch ra tiếng Việt) được xác nhận bởi Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI).”

(3). Đối với trường hợp đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép

- Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép trong đơn có các nội dung sau:

(i) Các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện;

(ii) Các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung;

(iii) Cam kết đảm bảo đáp ứng các điều kiện để thực hiện các nội dung hoạt động theo đề nghị và tiếp tục duy trì việc đáp ứng các điều kiện này theo quy định;

(iv) Cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài);

(v) Cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

(vi) Báo cáo về việc ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;

- *Danh mục các nội dung hoạt động kèm theo thông tin Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận;*

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) ngân hàng thương mại nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép; văn bản của ngân hàng mẹ đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam là hoạt động mà chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính;

- Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép các hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép;

- Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bổ sung các tài liệu sau:

(i) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế;

(ii) Quy định nội bộ về chính sách và quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng yêu cầu của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; Quy định nội bộ về các tiêu chuẩn lựa chọn các hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối;

(iii) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật;

(iv) Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc các văn bản, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc

tế được thành lập và hoạt động hợp pháp cấp hoặc Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam (đối với các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế đã thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam).

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng đối với đề nghị tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

(v) Tài liệu mô tả về hệ thống thanh toán quốc tế đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động, bao gồm: Mô tả hạ tầng kỹ thuật kết nối giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với hệ thống thanh toán quốc tế; Mô tả về quy trình nghiệp vụ xử lý giao dịch, chuyển mạch, bù trừ, quyết toán các giao dịch thanh toán giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế.

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng trong trường hợp tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

(vi) Tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 hoặc thư cam kết của chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu từ 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) về việc được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đối với hoạt động dự kiến bổ sung vào Giấy phép;

(vii) Đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp các tài liệu sau:

+ Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế;

+ Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc các văn bản, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp cấp hoặc Bản sao Giấy phép thành lập

Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam (đối với các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế đã thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam).

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng đối với đề nghị tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

+ Tài liệu mô tả về hệ thống thanh toán quốc tế đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động, bao gồm: Mô tả hạ tầng kỹ thuật kết nối giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với hệ thống thanh toán quốc tế; Mô tả về quy trình nghiệp vụ xử lý giao dịch, chuyển mạch, bù trừ, quyết toán các giao dịch thanh toán giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế.

Thành phần hồ sơ trên không áp dụng trong trường hợp tham gia hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI);

+ Tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 hoặc thư cam kết của chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu từ 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) về việc được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đối với hoạt động dự kiến bổ sung vào Giấy phép;

+ Báo cáo thuyết minh việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 và có các quy định nội bộ về chính sách và quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng yêu cầu của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; Quy định nội bộ về các tiêu chuẩn lựa chọn các hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối

+ Tài liệu chứng minh việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước ngày 01 tháng 7 năm 2024, gồm một trong số các giấy tờ: Hợp đồng hoặc thỏa thuận hoặc xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế, các văn bản, tài liệu tương đương khác hoặc xác nhận của Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức

vận hành hệ thống thanh toán quốc tế theo thẩm quyền về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không hợp pháp hoá lãnh sự đối với các tài liệu đã có nội dung bằng tiếng Việt (bao gồm các tài liệu bằng tiếng nước ngoài được dịch ra tiếng Việt) được xác nhận bởi Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), các tổ chức thẻ quốc tế (gồm: Visa, MasterCard, JCB, Amex, UPI).”

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng giám sát an toàn vi mô của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng (gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

+ Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực).

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng);

+ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép)/ Văn bản từ chối;

+ Giấy phép (trường hợp cấp đổi hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép) theo mẫu tại Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025/ Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:**

+ Lệ phí cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép: Không

+ Lệ phí cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép đồng thời với cấp đổi giấy phép của Ngân hàng thương mại: 70.000.000 đồng

+ Lệ phí cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép đồng thời với cấp đổi giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 1.000.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi.

+ Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025. Giấy phép được cấp đổi thay thế tất cả các Giấy phép, văn bản chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trước thời điểm cấp đổi.

+ Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo từng hệ thống thanh toán quốc tế.

+ Đối với hoạt động kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối; dịch vụ thanh toán quốc tế; hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài; hoạt động kinh doanh vàng, việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đối với các nội dung hoạt động quy định tại khoản 24, 25 Điều 4: Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục 01 Thông tư số 66/2025/TT-NHNN); Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 02, Phụ lục 03 Thông tư số 66/2025/TT-NHNN), ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung cấp bổ sung theo đề nghị, trên cơ sở ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân

hàng nước ngoài đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 66/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 34/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

+ Thông tư số 66/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2024/TT-NHNN quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

25. Thủ tục đề nghị cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (Mã TTHC: 1.000396)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài gửi văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc tới Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn *02 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ và cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (trong đó văn bản nêu rõ lý do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

- Thời hạn giải quyết: *02 ngày làm việc* kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng); Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bản sao Giấy phép từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.

- Lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

26. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư 63/2024/TT-NHNN (mã TTHC: 1.009183)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện

(i) Thuê doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật của năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể;

(ii) Xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định và trên cơ sở kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định;

(iii) Lập 01 bộ hồ sơ theo quy định và gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan. Thời hạn lấy ý kiến là 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tham gia ý kiến,

+ Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý tài sản, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý tài sản theo phương án thanh lý tài sản đã được chấp thuận; Ngân hàng Nhà nước thành lập Tổ giám sát thanh lý; hoặc

+ Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản không chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận giải thể, trong đó nêu rõ lý do; hoặc

+ Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan.

Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền.

Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể hoặc có văn bản từ chối chấp thuận giải thể.

Bước 6: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể có hiệu lực thi hành và tiến hành thanh lý tài sản theo quy định.

Bước 7: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chấm dứt thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền;

Bước 8: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền;

Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán hết nợ.

Bước 9: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý, Ngân hàng Nhà nước có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép hoặc có quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền;

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép hoặc quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị giải thể;
- b) Phương án thanh lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền quyết định thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
 - (ii) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);
 - (iii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - (iv) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc);
 - (v) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp; nợ xấu; tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể; trong đó xác định rõ khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;
 - (vi) Lý do đề nghị giải thể tự nguyện;
 - (vii) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;
 - (viii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nêu rõ kế hoạch chuyển vốn, lợi nhuận và tài sản ra nước ngoài;
 - (ix) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;
 - (x) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể, phương án thanh lý tài sản. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể theo yêu cầu của ngân hàng mẹ, hồ sơ phải có văn bản của ngân hàng mẹ về việc giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 50 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt thanh lý của Tổ giám sát thanh lý.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại; ngân hàng hợp tác xã; tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi Giấy phép/Văn bản từ chối

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 63/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

27. Thủ tục gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (1.002988)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước ngày kết thúc thời hạn thanh lý 45 ngày, Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

Bước 2: Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng thương mại; ngân hàng hợp tác xã; tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện: Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 63/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy

phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ Thông tư số 24/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

28. Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (mã TTHC: 1.003151)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn *20 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời chi nhánh ngân hàng nước ngoài của phải nêu rõ lý do).

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ

1. Văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh tại Việt Nam do Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký. Trường hợp Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài ký văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Họ và tên; chức danh và đơn vị công tác hiện tại; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số định danh cá nhân (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm;

c) Đánh giá về việc Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện.

2. Văn bản của đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài thông qua việc dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

4. *Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;*

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm ngân hàng thương mại,

tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

5. Bản kê khai người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm người điều hành tổ chức tín dụng”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”:

(i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc). Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc

tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

8. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp ngoại lệ quy định tại điểm c khoản 1, điểm đ, e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng; cử, chỉ định, bổ nhiệm nhân sự dự kiến tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp”:

a) Nội dung đánh giá và cam kết của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm về việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp” quy định tại Điều 6 theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025;

b) Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025, ngoại trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã giải thể, phá sản, hợp nhất, bị sáp nhập.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Phí, lệ phí:** Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Nhân sự dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
(4 x 6)

SƠ YẾU LÝ LỊCH⁽¹⁾

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh.
- Ngày, tháng, năm sinh.

- Số căn cước hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam hoặc số định danh cá nhân đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước.

- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân hoặc là người được cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng).

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông.

- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay ⁽²⁾.

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽³⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ ⁽⁴⁾	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú ⁽⁵⁾
	...				

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁶⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁷⁾

5. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

6. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) và tuân thủ các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của tổ chức tín dụng nước ngoài (nếu có) nơi tôi từng công tác.

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Thông báo cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để trình Ngân hàng Nhà

nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁸⁾

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.
2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.
3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.
4. Nêu rõ nếu nhân sự dự kiến là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, đồng thời ghi rõ mã số thuế/mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến là người quản lý.
5. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:
 - a) Công ty con của tổ chức tín dụng;
 - b) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;
 - c) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d) Đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng (Ghi cụ thể tên đơn vị và thời điểm bị tuyên bố phá sản, chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến);
6. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d, g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.
7. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.
8. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Mối quan hệ với người khai ⁽¹⁾	Số căn cước/số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam) hoặc số định danh cá nhân (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước) hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận tương đương (đối với trường	Chức vụ tại tổ chức tín dụng đề nghị	Chức vụ tại Công ty con của tổ chức tín dụng đề nghị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện tại tổ chức tín dụng đề nghị (%)	...
-----	---	--	---	---	---	---	-----

			hợp người có liên quan là tổ chức ghi thông tin mã số doanh nghiệp).				
1	Nguyễn Văn A	Người khai					
2	Nguyễn Thị B	Vợ					
	...						

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

....., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽²⁾

Ghi chú:

1. Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan tại cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng để điền vào cột này. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

2. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC QUẢN LÝ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Căn cứ Thông tư số..... ngày..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ...

(Tên Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) cung cấp thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ông/Bà như sau:

I. Thông tin về nhân sự

1. Họ và tên nhân sự.

Ngày, tháng, năm sinh.

2. Thời gian công tác: từ tháng/năm đến tháng/năm.

3. Vị trí công tác, nhiệm vụ được giao: thời gian từ tháng/năm đến tháng/năm
(Nêu rõ nếu là người quản lý, người điều hành)

...

II. Thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

1. Thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Nhân sự đáp ứng/không đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Trường hợp không đáp ứng, nêu rõ hành vi, thời gian và biện pháp xử lý.

III. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Văn bản này được sử dụng lại khi làm hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

29. Thủ tục chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên (trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng) của ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Mã TTHC: 1.001081)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tối thiểu 45 ngày làm việc trước ngày dự kiến tạm ngừng giao dịch, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng giao dịch;

(ii) Lý do, sự cần thiết của việc tạm ngừng giao dịch;

(iii) Các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng giao dịch đến quyền và lợi ích của khách hàng;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn về việc tạm ngừng giao dịch; Quyết định của Tổng Giám đốc chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc tạm ngừng giao dịch;

c) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc tạm ngừng giao dịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài/ Văn bản không chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

30. Thủ tục chấp thuận và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Mã TTHC: 1.001093)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực được phân cấp) (trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi hồ sơ tối thiểu 06 tháng trước ngày Giấy phép hết thời hạn).

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi thời hạn hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:
 - (i) Thời hạn hoạt động hiện tại;
 - (ii) Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;
 - (iii) Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;
- b) Văn bản của ngân hàng mẹ thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- c) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trong đó nêu rõ:
 - (i) Đánh giá tổng kết hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh;
 - (ii) Dự kiến kế hoạch kinh doanh cho 03 năm tiếp theo;
- d) Trường hợp thay đổi thời hạn hoạt động ngoài trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ quy định tại điểm a, b,

c khoản 1 Điều 9 Thông tư số 50/2025/TT-NHNN và tài liệu chứng minh sự cần thiết và lý do của việc thay đổi thời hạn hoạt động.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 35 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi thời hạn hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép/ Văn bản không chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

31. Thủ tục chấp thuận và sửa đổi, bổ sung Giấy phép của ngân hàng thương mại/chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với nội dung thay đổi tên
(Mã TTHC: 2.000745)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực được phân cấp).

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và có quyết định sửa đổi Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước (Trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực);

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Tên hiện tại;

(ii) Tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về đặt tên;

(iii) Lý do thay đổi tên;

(iv) Số, ngày Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với ngân hàng thương mại cổ phần thông qua việc thay đổi tên của ngân hàng thương mại;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn thông qua việc thay đổi tên của ngân hàng thương mại; Văn bản của ngân hàng mẹ thông qua việc thay đổi tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép/ Văn bản không chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

C. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

32. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài (1.007958)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Văn phòng đại diện nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi tên, gia hạn thời hạn hoạt động) hoặc gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến chuyển trụ sở đến (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở). Đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thời hạn gửi hồ sơ tối thiểu 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực;

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài. Đồng thời, có văn bản thông tin đến *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn quản lý của *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

- + Đơn đề nghị thay đổi tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Nội dung hiện tại;

(ii) Nội dung dự kiến thay đổi. Đối với tên dự kiến thay đổi phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024;

(iii) Lý do thay đổi;

+ Tài liệu chứng minh lý do thay đổi đối với trường hợp thay đổi tên; hoặc tài liệu chứng minh văn phòng đại diện nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa bàn đặt trụ sở mới đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở;

+ Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động (trong đó nêu rõ tình hình hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị và kế hoạch hoạt động trong năm tiếp theo).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng đại diện nước ngoài

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của Văn phòng đại diện nước ngoài/ văn bản không chấp thuận

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 34/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

+ Thông tư số 66/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2024/TT-NHNN quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng

đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

33. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài (Mã TTHC: 2.000827)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến đặt trụ sở.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN.

2. Giấy phép hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cấp cho tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

3. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

4. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

5. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

6. Báo cáo tài chính năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

7. Tài liệu chứng minh năng lực của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có xác nhận của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trụ bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép không quá 06 tháng;

c) Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến tại Việt Nam.

8. Văn bản chứng minh quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh) trừ trường hợp Thông tư số 56/2024/TT-NHNN có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này,

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm Thông tư số 56/2024/TT-NHNN)/ văn bản từ chối chấp thuận

- **Lệ phí:** 1.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài (Phụ lục số 06).

+ Sơ yếu lý lịch tự khai (Phụ lục số 07).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là pháp nhân được phép hoạt động ngân hàng ở nước ngoài;

+ Quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín

dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Phụ lục số 06

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân
hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước
ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ... xem xét cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) với nội dung sau đây:

1. Tên của văn phòng đại diện nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Địa điểm đặt trụ sở dự kiến của văn phòng đại diện nước ngoài:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Danh sách dự kiến bổ nhiệm trưởng văn phòng đại diện nước ngoài của văn phòng đại diện nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên)... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

(ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 07

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ chiếu

(4x6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mọi quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,..... xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày ... tháng ... năm....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật

34. Thủ tục cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Mã TTHC: 1.002187)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải gửi văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn *02 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ và cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trong đó văn bản nêu rõ lý do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

- **Thời hạn giải quyết:** *02 ngày làm việc* kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.*

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 57/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

35. Thủ tục thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (Mã TTHC: 1.001911)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Văn phòng đại diện nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

+ Bước 2: Trong thời hạn *14 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực: (i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc (ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có);

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, văn phòng đại diện nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực báo cáo, giải trình;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của văn phòng đại diện nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại; ngân hàng hợp tác xã; tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi Giấy phép của Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 63/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ Thông tư số 24/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ Thông tư số 48/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và*

sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

36. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.012699)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tối thiểu 21 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính;

+ **Bước 2:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

37. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đổi với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003266)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực *nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính* thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép;

+ Bước 2: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực *nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính* có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực *nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính*.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

38. Thủ tục đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (mã TTHC: 1.014686)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa điểm hiện tại;

(ii) Địa điểm dự kiến chuyển đến;

(iii) Lý do thay đổi;

(iv) Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới đảm bảo đáp ứng các điều kiện đối với trụ sở theo quy định của pháp luật;

(v) Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của ngân hàng mẹ thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

Đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa điểm hiện tại;

(ii) Địa điểm dự kiến chuyển đến;

(iii) Lý do thay đổi;

(iv) Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới đảm bảo đáp ứng các điều kiện đối với trụ sở theo quy định của pháp luật;

(v) Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của ngân hàng mẹ thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

d) Phương án hoạt động trong 03 năm đầu tại địa bàn mới với các nội dung tối thiểu sau: Phân tích, đánh giá nhu cầu dịch vụ ngân hàng tại địa bàn hoạt động mới; Dự kiến chiến lược kinh doanh và nêu rõ các thay đổi về chiến lược kinh doanh (nếu có); Dự kiến kết quả kinh doanh trong 03 năm đầu hoạt động tại địa bàn mới và các thuyết minh liên quan.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực*

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận đề nghị chuyển trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài/ văn bản không chấp thuận

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

39. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đổi với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Mã TTHC: 1.001136)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có quyết định sửa đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực p có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.*

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép/Văn bản không chấp thuận

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

40. Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại. (mã TTHC: 1.010739)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực*. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước. Trường hợp chấp thuận văn phòng đại diện ở trong nước, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* có văn bản chấp thuận đối với từng văn phòng đại diện ở trong nước.

Trường hợp không chấp thuận, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* có văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* có văn bản chấp thuận, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này mà ngân hàng thương mại không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận của *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* đương nhiên hết hiệu lực.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực*.
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị *Ngân hàng Nhà nước* chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN*;

+ Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước;

+ Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước theo quy định tại *Thông tư số 61/2025/TT-NHNN*.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của Ngân hàng thương mại theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2026/TT-NHNN.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

(a) Đối với thành lập văn phòng đại diện ở trong nước:

+ Có thời gian hoạt động tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

+ Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới.

(b) Đối với thành lập đơn vị sự nghiệp ở trong nước:

+ Có thời gian hoạt động tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

+ Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày... tháng.... năm....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có): Cơ quan: Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài như sau:

I. Danh sách đề nghị

1. Mạng lưới hoạt động ở trong nước:

1.1. Thành lập chi nhánh:

1.1.1. Tên chi nhánh

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

1.1.3. Chi nhánh thuộc/ không thuộc vùng nông thôn.

1.2. Thành lập phòng giao dịch

Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập	Địa điểm dự kiến (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)		Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch
	Địa điểm tại vùng nông thôn	Địa điểm khác	
a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có) c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có) d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).			

1.3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

1.3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

1.3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

2. Mạng lưới hoạt động ở nước ngoài:

2.1. Thành lập chi nhánh:

2.1.1. Tên chi nhánh

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2.1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2.1.3. Vốn cấp cho chi nhánh (dự kiến).

2.2. Thành lập ngân hàng con ở nước ngoài:

2.2.1. Tên ngân hàng con

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2.2.2. Địa điểm đặt trụ sở ngân hàng con.

2.2.3. Vốn thành lập ngân hàng con (dự kiến).

2.2.4. Thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con (tên, địa chỉ); dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài.

2.3. Thành lập văn phòng đại diện:

2.3.1. Tên văn phòng đại diện;

2.3.2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc ngân hàng thương mại đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định

1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

1.2. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:

- Dự phòng chung thực trích:

- Dự phòng cụ thể phải trích:

- Dự phòng cụ thể trích:

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

1.3. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng liền trước kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.6. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

1.7. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị

2.1. Lợi nhuận sau thuế của năm trước liền kề năm đề nghị:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán:..... tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính riêng lẻ có kiểm toán:..... tỷ đồng

2.2. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.3. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm liền kề trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước thời tháng đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:

- Dự phòng chung thực trích:

- Dự phòng cụ thể phải trích:

- Dự phòng cụ thể thực trích:

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

2.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.6. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.7. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.8. Kết quả xếp hạng đã được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị: ...

2.9. Điều kiện bổ sung đối với việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài:

i) Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

ii) Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ đồng trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

iii) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

3. Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch:

STT	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có tại địa bàn đề nghị thành lập phòng giao dịch		Thông tin liên quan đến chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch					
	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tên và địa chỉ chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch	Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý	Thời gian hoạt động (tháng)	Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (%)	Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị (có/không)	Chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)

41. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (mã TTHC: 1.012748)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi lấy ý kiến:

(i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở về phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan và lý do thay đổi địa điểm. Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc cùng địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thì không cần thực hiện nội dung này;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN;

b) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan;

c) Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản này, ngân hàng thương mại gửi các văn bản báo cáo việc đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN và việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng thương mại.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

- Lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN.

- Yêu cầu, điều kiện: Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục II

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI NHÁNH Ở TRONG NƯỚC, PHÒNG GIAO DỊCH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam)*

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI NHÁNH Ở TRONG NƯỚC, PHÒNG GIAO DỊCH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch như sau:

1. Tên chi nhánh/phòng giao dịch
2. Địa điểm hiện tại của chi nhánh/phòng giao dịch
3. Địa điểm dự kiến chuyển đến
4. Lý do thay đổi địa điểm
5. Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động đối với chi nhánh, phòng giao dịch đã đi vào hoạt động
6. Cam kết đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.
7. **Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết:** chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)

42. Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại (mã TTHC: 1.000394)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh;

+ **Bước 2:** Trong *thời hạn 11 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, ngân hàng thương mại phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động của chi nhánh ở trong nước; chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh về ngày chấm dứt hoạt động.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN;

+ Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước;

+ Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết: *11 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN;

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục IV

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày.... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước như sau:

1. Tên chi nhánh/phòng giao dịch/ văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp ở trong nước đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động
2. Địa chỉ chi nhánh/phòng giao dịch/ văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp ở trong nước đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động
3. Lý do chấm dứt hoạt động

4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)

43. Thủ tục chấp thuận cho ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch (mã TTHC: 1.002167)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;

+ **Bước 2:** Trong thời hạn *5 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch, ngân hàng thương mại phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch; chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch về ngày chấm dứt hoạt động.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động phòng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN;

+ Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại về việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch;

+ Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động phòng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

Phụ lục IV

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

...., ngày.... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước như sau:

1. Tên chi nhánh/phòng giao dịch/ văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp ở trong nước đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động

2. Địa chỉ chi nhánh/phòng giao dịch/ văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp ở trong nước đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động

3. Lý do chấm dứt hoạt động

4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)

44. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng (mã TTHC: 1.010045)

- Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng, Công ty thông tin tín dụng lập và nộp hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi Công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính;

- Bước 2: *Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng.*

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục X;

- Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty thông tin tín dụng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi Công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo phụ lục X; Giấy chứng nhận theo mẫu phụ lục IX.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 133/2024/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;*

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và*

sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

PHỤ LỤC X

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động cung ứng
dịch vụ thông tin tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung))*

DOANH NGHIỆP(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...(2) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), Công ty thông tin tín dụng.... (1) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...(2) xem xét cấp lại/thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:
2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số ... cấp lần đầu ngày tháng ... năm ... (số ... cấp lại lần thứ ... ngày ... tháng ... năm...).
4. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
5. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:
6. Lý do, sự cần thiết làm đơn đề nghị:
7. Cam kết trước pháp luật

- Chúng tôi cam kết tiếp tục duy trì và đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng...(1)...

- Chúng tôi cam kết những thông tin tại đơn đề nghị là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với những thông tin này.

Sau khi được cấp lại/thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Hồ sơ đính kèm:

- Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

(2) Tên Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.

45. Thủ tục thay đổi nội dung⁴ Giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Mã TTHC: 1.001157)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Công ty thông tin tín dụng lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi Công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính;

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi công ty thông tin tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận); trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có);
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.
- + Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (bản chính);

+ Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc tiếp tục duy trì đủ điều kiện hoạt động trong trường hợp nội dung đề nghị thay đổi tại Giấy chứng nhận có liên quan đến điều kiện hoạt động của công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với từng điều kiện quy định tại Nghị định này (bản sao).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công ty thông tin tín dụng xin thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

⁴Bao gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Vốn điều lệ; Nơi đặt trụ sở chính; Người đại diện theo pháp luật.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi Công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận/Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo phụ lục số XI ban hành kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung).

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 133/2024/NĐ-CP;

+ *Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;*

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC X

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung))

DOANH NGHIỆP(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...(2)

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), Công ty thông tin tín dụng... (1) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...(2) xem xét cấp lại/thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:
2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số ... cấp lần đầu ngày tháng ... năm ... (số ... cấp lại lần thứ ... ngày ... tháng ... năm...).
4. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
5. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:
6. Lý do, sự cần thiết làm đơn đề nghị:
7. Cam kết trước pháp luật

- Chúng tôi cam kết tiếp tục duy trì và đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và không vi phạm các quy định của

pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng ...(1)...

- Chúng tôi cam kết những thông tin tại đơn đề nghị là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với những thông tin này.

Sau khi được cấp lại/thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Hồ sơ đính kèm:

- Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

(2) Tên Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.

PHỤ LỤC XI

MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THAY ĐỔI NỘI DUNG MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN

(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung))

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT
NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
KHU VỰC ...(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-...(1)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi nội dung về ...(2)... của Công ty thông tin tín dụng ...(3)...

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC ...(1)

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Xét hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng...(3);

Theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...(1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi một số nội dung tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số .../NHNN-GCN ngày ... tháng ... năm

... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (3)...
(sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận).

1. Nội dung ... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

2. Nội dung ... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số .../NHNN-GCN ngày ... tháng ... năm ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (3)...

Điều 3. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 1 Quyết định này.

Điều ... (4) ...

Điều, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...(1), Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng ...(3)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều;
- Thống đốc NHNN;
- Cục QLGS;
- Lưu: ,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.
- (2) Nội dung đề nghị thay đổi.
- (3) Tên công ty thông tin tín dụng.
- (4) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

II. Thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

46. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.003272)

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính*;

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính* có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính* có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận, *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính* trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực* có văn bản chấp thuận mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng không hoàn tất thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính thì văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tuyến qua Cổng dịch công quốc gia (nếu có);

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực*.

+ Nộp qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

+ Địa điểm hiện tại;

+ Địa điểm dự kiến chuyển đến;

+ Lý do thay đổi;

+ Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới;

+ Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về mã Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính không khai thác được thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính đề nghị tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng/ văn bản không chấp thuận.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ *Thông tư số 11/2026/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*